

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: 12, Đường số 1, Ấp Thuận An, Xã Mỹ Thạnh An, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

GIỚI THIỆU CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Cơ cấu tổ chức
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh
- Tổ chức nhân sự
- Tình hình đầu tư, thực hiện dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông
- Báo cáo phát triển bền vững

MỤC LỤC

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Về kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh
- Về tình hình tài chính
- Những cải tiến trong năm
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Báo cáo trách nhiệm với môi trường và xã hội

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Về các mặt hoạt động của Công ty
- Về hoạt động của Ban Giám đốc
- Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội Đồng Quản Trị
- Ban Kiểm Soát
- Các giao dịch lớn, thù lao

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến Kiểm toán
- Báo cáo tài chính kiểm toán

01

THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Cơ cấu tổ chức
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro



Tên giao dịch:	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE
Giấy chứng nhận ĐKDN số:	1300108704 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp ngày 01/09/2004 thay đổi lần thứ 12 ngày 17/01/2014
Vốn điều lệ:	40.490.060.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	40.490.060.000 đồng
Địa chỉ:	Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
Số điện thoại:	(0275) 3822 315
Số fax:	(0275) 3822 319
Website:	www.vlxdbentre.com
Email:	vlxdbentre@yahoo.com – infor@vlxdbentre.com
Mã cổ phiếu:	VXB



1978

Công ty Vật liệu xây dựng Bến Tre được thành lập theo quyết định số 30/TC - CQ ngày 17/01/1978 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bến Tre.

Công ty Vật liệu xây dựng Bến Tre được thành lập lại theo quyết định số 994/QĐ - UB ngày 01/12/1992.

1992

2004

UBND tỉnh ra quyết định số 1852/2004/QĐ - UB về việc chuyển Công ty Vật liệu xây dựng Bến Tre thành công ty cổ phần với vốn điều lệ ban đầu 15 tỷ.

Công ty tăng vốn điều lệ lên 17,25 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu.

2006

2007

Vốn điều lệ của Công ty được nâng lên 19.751.250.000 đồng thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Công ty nâng vốn điều lệ lên 40.490.060.000 đồng thông qua phát hành chào bán ra công chúng.

2009

2010

Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu VXB.

MỘT SỐ DANH HIỆU ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC:

- Huân chương lao động hạng 3 năm 1996;
- Huân chương lao động hạng 2 năm 2002;
- Chính phủ tặng Cờ thi đua hoàn thành xuất sắc toàn diện nhiệm vụ, dẫn đầu phong trào thi đua lao động sản xuất và công tác của tỉnh Bến Tre năm 2003;
- Huân chương Lao động hạng nhất năm 2008;



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

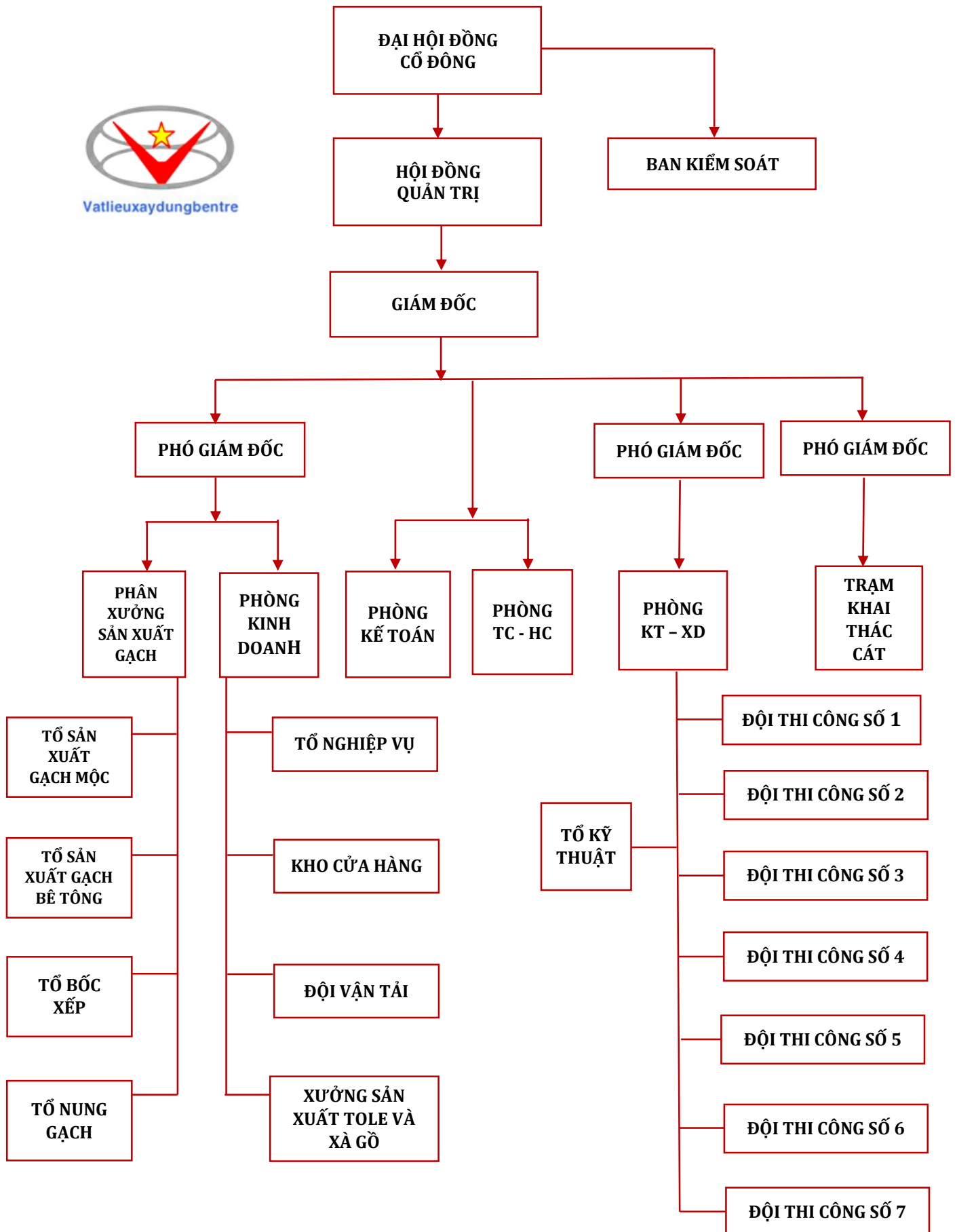
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng và các mặt hàng trang trí nội thất.
- Khai thác cát sông.
- Thi công xây dựng, san lấp mặt bằng.
- Vận tải hàng hóa.
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các công trình dân dụng, công nghiệp.

ĐỊA BÀN KINH DOANH:

Cung cấp vật liệu xây dựng, xây dựng công trình và kinh doanh các lĩnh vực khác trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

SẢN PHẨM TIÊU BIỂU





TẦM NHÌN

- Trở thành doanh nghiệp có qui mô, doanh thu hàng đầu tại Bến Tre và vùng phụ cận trong ngành VLXD.
- Bước đầu trở thành nhà phân phối chiến lược của các mặt hàng sơn, ống nhựa để tạo đà là nhà phân phối của các mặt hàng có liên quan đến ngành VLXD.
- Đảm bảo các hoạt động SXKD ổn định, tạo nền tảng tăng trưởng bền vững trong tương lai.
- Nắm bắt thời cơ, đầu tư mở rộng hoạt động sang các ngành nghề khác có liên quan đến lĩnh vực VLXD và thi công xây dựng.

SỨ MỆNH

- Cung cấp những sản phẩm chất lượng, giá cả hợp lý, đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường.
- Xây dựng các công trình trọng điểm tại địa phương, góp phần cải thiện và mang lại tầm vóc mới cho tỉnh Bến Tre.
- Thực hiện liên doanh, liên kết để phát triển thị trường ra khu vực, tăng doanh thu, tạo điều kiện tăng cường lợi nhuận, mang lại giá trị cho cổ đông.

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU

- Trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trong địa bàn tỉnh Bến Tre và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.
- Phát triển sản xuất kinh doanh, đảm bảo doanh thu và lợi nhuận của Công ty, tạo niềm tin cho cổ đông hiện hữu để làm tiền đề thu hút vốn đầu tư của cổ đông mới.
- Đảm bảo chất lượng sản phẩm, bảo vệ thương hiệu, uy tín của Công ty trong tỉnh, hướng đến mở rộng kinh doanh ra thị trường khu vực các tỉnh phụ cận.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Kiểm soát chặt chẽ đầu vào lẫn đầu ra của các sản phẩm có yếu tố gây hại đến sức khỏe con người. Quản lý thi công công trình không để xảy ra trường hợp thất thoát nguyên vật liệu, phế phẩm ra môi trường.
- Nghiên cứu đầu tư trang thiết bị nhằm hạn chế tối đa các chất thải độc hại trong quá trình sản xuất; đảm bảo không gây tác động tiêu cực đến môi trường và sức khỏe người lao động.
- Công tác Phòng cháy chữa cháy được chú trọng nhằm đảm bảo an toàn cho hàng hóa và con người.
- Tích cực cùng Đoàn Thanh niên phát động và thực hiện tốt các phong trào bảo vệ môi trường, nhất là đảm bảo tốt môi trường làm việc cho người lao động.
- Chính sách lương, thưởng, chăm sóc sức khỏe, đời sống của người lao động được xây dựng thành bộ quy chế nhằm có sự minh bạch, đảm bảo tính công bằng và tạo được sự gắn bó giữa Công ty với người lao động.
- Đặt mục tiêu tham gia đầy đủ các chương trình xã hội do địa phương phát động và thực hiện.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

→ Cẩn trọng vững vàng

→ Đồng tâm hiệp lực

→ Phát triển cộng đồng

→ Hướng tới tương lai



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Thực hiện hiệu quả việc cung cấp vật tư cho các công trình trọng điểm trong địa bàn tỉnh Bến Tre nhằm củng cố thương hiệu của Công ty, tạo được uy tín với địa phương.
- Mở rộng địa bàn ra các tỉnh lân cận. Chính sách sản phẩm chất lượng là chiến lược then chốt và chủ đạo của Công ty.
- Nghiên cứu, phát triển ngành nghề sản xuất kinh doanh mới phù hợp với năng lực nội tại nhằm mở rộng quy mô hoạt động, nâng cao hiệu quả hoạt động, nâng cao tầm vóc Công ty.
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua các đợt tập huấn, đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ và các kỹ năng mềm khác.
- Chuẩn hóa quy trình làm việc trong Công ty để nâng cao trách nhiệm của từng bộ phận và tinh thần hợp tác giữa các bộ phận với nhau.
- Thu hút vốn đầu tư vào cơ sở vật chất kỹ thuật.
- Ứng dụng hệ thống thông tin quản lý vào thực tiễn của doanh nghiệp.



RỦI RO VỀ KINH TẾ

Tốc độ tăng trưởng kinh tế ảnh hưởng khá lớn đến ngành xây dựng và vật liệu xây dựng vì một nền kinh tế phát triển luôn đòi hỏi một cơ sở hạ tầng phù hợp để đáp ứng. Đối với Việt Nam hiện nay, sự phục hồi mạnh mẽ của thị trường bất động sản và việc Nhà nước chủ trương đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng để thu hút nguồn FDI hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế chính là một cơ hội tốt cho các doanh nghiệp trong ngành xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng nói chung, trong đó có Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre.

Ngoài ra, ngành vật liệu xây dựng còn chịu ảnh hưởng khá lớn từ các yếu tố vĩ mô như chính trị, lạm phát, lãi suất... Khi tình hình chính trị trong và ngoài nước có những biến động xấu sẽ gây khó khăn cho quá trình sản xuất và kinh doanh của Công ty, làm sụt giảm sản lượng sản xuất và thu hẹp thị trường đầu ra. Đặc biệt, biến động lãi suất thường ảnh hưởng khá lớn do đặc thù ngành vật liệu xây dựng phát sinh nhu cầu vốn ban đầu và tín dụng ngắn hạn khá cao, tuy nhiên, chính sách kiểm soát lạm phát, lãi suất và tỷ giá của Chính Phủ được duy trì ổn định trong thời gian qua đã đảm bảo Công ty không bị ảnh hưởng quá nhiều từ rủi ro này.

Tổng kết năm 2017, trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới trên đà phục hồi, GDP Việt Nam đã tăng trưởng 6,81%, vượt mục tiêu 6,7% do Chính Phủ đề ra, riêng ngành xây dựng tăng trưởng khoảng 8,7%, đây là mức tăng trưởng khá ổn định so với các năm trước cho thấy việc các doanh nghiệp trong ngành đã tận dụng cơ hội khá tốt và dự đoán sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh trong giai đoạn sắp tới, khi mà xu hướng hội nhập kinh tế toàn cầu đang tạo ra những bước tiến mới đòi hỏi những thay đổi cần thiết.



RỦI RO PHÁP LUẬT

Các Công ty đại chúng niêm yết và giao dịch hợp pháp trên thị trường chứng khoán đều phải tuân thủ Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, các luật chuyên ngành, các nghị định và thông tư liên quan. Đặc biệt trong giai đoạn hiện tại, để hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam, Chính Phủ dự kiến đưa ra các luật sửa đổi, bổ sung và các luật cũ được thay thế bởi luật mới có hiệu lực từ 2018, vì thế, các doanh nghiệp cần cập nhật đầy đủ và tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty mình, tránh các vi phạm ảnh hưởng đến tài chính cũng như hình ảnh và uy tín của Công ty trên thị trường.

Ngoài ra, trong tiến trình hội nhập, Việt Nam tham gia các điều ước quốc tế, các hiệp định thương mại tự do FTA cũng sẽ có các quy định ảnh hưởng đến quá trình hoạt động của Công ty, do đó, việc quan tâm đến các quy định quốc tế cũng cần thiết để Công ty có thể hoạt động hợp pháp và đảm bảo sản xuất, kinh doanh.

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Các loại sản phẩm vật liệu xây dựng gồm cát, gạch, đá, thép, xi măng... vừa là nguyên liệu đầu vào và đầu ra nên biến động giá chung các mặt hàng này sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty, thêm vào đó, các quy định về tải trọng và giá nguyên liệu cũng làm chi phí vận chuyển và bán hàng của Công ty tăng lên, do đó, Công ty có thể không tận dụng được lợi thế khi nhu cầu xây dựng đang tăng cao trong thời gian gần đây.

Ngoài ra, cạnh tranh trong ngành vật liệu cũng đang dần trở nên gay gắt do việc hội nhập chung của đất nước, các Công ty nước ngoài có cơ hội tham gia vào thị trường Việt Nam, đặc biệt cạnh tranh cao nhất từ các sản phẩm nhập khẩu Trung Quốc trong ngành vật liệu xây dựng gồm xi măng, sắt, thép... do có lợi thế về quy trình sản xuất, công nghệ và giá rẻ hơn.



RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG

Ngoài việc thực hiện theo quy định liên quan đến ngành nghề kinh doanh, bất kỳ công ty sản xuất nào cũng chịu sự chi phối của Luật Bảo vệ môi trường. Đây là vấn đề rất được quan tâm trong thời gian gần đây do ý thức người dân tăng cao, việc bảo vệ môi trường là một yếu tố quan trọng để thể hiện hình ảnh đẹp và uy tín của Công ty trên thị trường, nhất là khi hoạt động khai thác cát sông tiềm ẩn nguy cơ gây sạt lở, làm đục nước sông gây ảnh hưởng đến điều kiện sống của dân cư và sinh vật ven sông. Vì thế, để đảm bảo hoạt động kinh doanh gắn liền với trách nhiệm xã hội và hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, Công ty luôn tuân thủ đúng quy định về quy trình và sản lượng khai thác cát nói riêng cũng như các yêu cầu chung về môi trường.

RỦI RO KHÁC

Bên cạnh những rủi ro chính thì Công ty còn có khả năng phải đối mặt với những rủi ro khác như hỏa hoạn, thiên tai, cháy nổ... Những rủi ro này có thể đem lại thiệt hại vô cùng lớn cho Công ty. Do đó, để phòng ngừa và hạn chế tác động nếu có, VXB chủ động sử dụng các biện pháp bảo hiểm tài sản, bảo hiểm cho người lao động, trang bị kiến thức về Phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động cho cán bộ công nhân viên...

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức nhân sự
- Tình hình đầu tư, thực hiện dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông
- Báo cáo phát triển bền vững



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2017

Khoản mục	ĐVT	Năm 2016	KH 2017	Năm 2017	2017/ 2016	TH/KH 2017
Tổng doanh thu	Tr. đồng	218.264	233.369	212.595	97,40%	91,10%
Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	7.881	8.100	6.391	81,09%	78,90%

TÌNH HÌNH TĂNG TRƯỞNG DOANH THU, LỢI NHUẬN GIAI ĐOẠN 2013 - 2017

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Doanh thu thuần	Tr. đồng	231.791	233.864	206.467	213.588	208.428
Lợi nhuận gộp	Tr. đồng	18.113	24.049	20.909	21.130	22.250
% LN gộp/ DTT	Tr. đồng	7,81%	10,28%	10,13%	9,89%	10,68%

Năm 2017, tình hình kinh tế - xã hội vẫn còn gặp không ít khó khăn như: Sản xuất tiểu thủ công nghiệp, mảng xây dựng khan hiếm nguồn nguyên liệu, giá nguyên liệu tăng cao; xây dựng xã nông thôn mới chưa đạt kế hoạch đề ra; tình hình trật tự đô thị, ô nhiễm môi trường một số nơi xử lý chưa đạt hiệu quả; công tác giải phóng mặt bằng và huy động sức dân để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng gặp khó khăn; kinh tế tập thể hoạt động thiếu ổn định, năng lực cạnh tranh chưa cao; tình trạng khai thác cát trái phép, ô nhiễm môi trường trong sản xuất ...

Ngoài những khó khăn chung của thị trường thì vẫn còn tồn tại sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt từ các đối thủ, các áp lực tăng sản lượng tiêu thụ từ nhà sản xuất, những khó khăn chưa được tháo gỡ kịp thời từ công tác quyết toán thi công xây dựng; tình hình giải ngân vốn các công trình chậm; sự thay đổi về chính sách thuế, phí đối với hoạt động khai thác khoáng sản; lãi suất cho vay của ngân hàng vẫn còn cao; v.v... đã ảnh hưởng đến hiệu quả một số lĩnh vực hoạt động của đơn vị.

Các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre năm 2017 giảm nhẹ và chưa đạt được kế hoạch do nhiều yếu tố khác nhau, phần lớn là từ việc các đối tác kinh doanh chưa kịp thanh toán nên VXB chưa ghi nhận được doanh thu. Thêm vào đó, trong năm 2017 cũng phát sinh thêm khoản chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản là 838.450.250 nên tổng chi phí trong năm cũng tăng. Từ đó, kết quả kinh doanh của Công ty có phần giảm sút, cụ thể, so với kế hoạch, tổng doanh thu đạt 91,10% và lợi nhuận trước thuế đạt 78,90%. Bên cạnh đó, so với năm 2016, tổng doanh thu chỉ giảm nhẹ 3,60% và lợi nhuận trước thuế giảm 19,91%.

Tình hình tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của VXB trong 5 năm tài chính vẫn duy trì ổn định, tuy nhiên vẫn có những biến động nhẹ. Gần đây nhất, doanh thu thuần năm 2017 đạt 208,4 tỷ đồng (giảm 2,42% so với năm 2016). Ngoài ra, do trong năm Công ty vẫn kiểm soát được cơ cấu chi phí nên biên lợi nhuận đã tăng nhẹ, đạt mức 10,68%.

CƠ CẤU DOANH THU THUẦN

Khoản mục	ĐVT	Năm 2016		Năm 2017	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Hàng hóa	Tr. Đồng	79.631	37,28%	67.006	32,15%
Thành phẩm	Tr. Đồng	11.416	5,34%	20.116	9,65%
Vận tải	Tr. Đồng	1.785	0,84%	1.999	0,96%
Xây dựng & San lấp mặt bằng	Tr. Đồng	119.638	56,01%	117.248	56,25%
Kinh doanh bất động sản	Tr. Đồng	1.100	0,52%	1.805	0,87%
Gạch bê tông tự chèn thành phẩm	Tr. Đồng	15	0,01%	63	0,03%
Doanh thu khác	Tr. Đồng	3	0,00%	191	0,09%
Tổng cộng	Tr. Đồng	213.588	100%	208.428	100%

Các hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng và xây dựng. Trong đó, lĩnh vực xây dựng được xác định là lĩnh vực chủ lực của Công ty với doanh thu gần như luôn chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu doanh thu. Doanh thu từ xây dựng công trình và san lấp mặt bằng đạt 117,25 tỷ đồng năm 2017, chiếm tỷ trọng 56,25% doanh thu trong khi năm 2016 là 119,64 tỷ đồng, chiếm 56,01% doanh thu. Bên cạnh đó, mảng doanh thu lớn thứ 2 là mảng kinh doanh vật liệu xây dựng, năm 2017 đạt 67 tỷ đồng, chiếm 32,15% doanh thu.

Hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng: Nhìn chung trong năm qua, hoạt động kinh doanh VLXD thực hiện khá tốt các chức năng của mình trong kinh doanh mua bán, cung ứng hàng hóa cho lĩnh vực thi công xây dựng và lĩnh vực sản xuất. Ngoài nhóm hàng truyền thống là xi măng thì trong năm qua hai nhóm hàng sơn nước và ống nhựa bước đầu đã được các cửa hàng đại lý tại các huyện ủng hộ, tuy thị trường và thị phần còn khiêm tốn nhưng đây là tiền đề để phát triển thị phần trong thời gian tới. Tuy nhiên, việc kinh doanh đa dạng sản phẩm nên các chỉ tiêu về doanh số, sản lượng ... thực hiện chưa đạt theo các mức đã thỏa thuận với nhà sản xuất, việc này đã làm cho đơn vị chưa có ưu thế cạnh tranh với các đơn vị khác về giá bán, tỷ lệ chiết khấu ... Vì vậy, doanh thu năm 2017 mảng kinh doanh VLXD là 67 tỷ đồng, đạt 84% so với năm 2016, tương tự, lợi nhuận trước thuế là 1,05 tỷ đồng, đạt 52% năm 2016.

Hoạt động thi công san lấp, xây dựng: Theo kế hoạch năm 2017 đề ra thì các công trình trúng thầu ước tính khoảng 130 tỷ đồng, nhưng thực tế năm 2017 chỉ trúng thầu 74 tỷ đồng – nguyên nhân là do ngân sách của tỉnh chưa bố trí vốn kịp thời và theo luật Xây dựng thì khi công trình có kế hoạch bố trí vốn mới triển khai tổ chức đấu thầu, ngoài ra một số đơn vị khác vì mục đích trúng thầu đã áp dụng nhiều phương thức cạnh tranh không lành mạnh. Doanh thu thực hiện đạt 117,25 tỷ đồng, đạt 86% kế hoạch và 98% năm 2016.

Hoạt động khai thác cát: Kết quả hoạt động này trong năm rất quả quan khi doanh thu đạt 17,95 tỷ đồng, bằng 213% so với năm 2016 và đạt 469% kế hoạch năm 2017. Lợi nhuận trước thuế đạt 2,63 tỷ đồng, tăng 80% so với năm trước và đạt 381% kế hoạch.

Hoạt động sản xuất VLXD:

Sản xuất gạch nung: Sản lượng gạch thành phẩm sản xuất là 437.000 viên (trong đó, sử dụng nội bộ là 464.000 viên, sản lượng bán ra là 116.000 viên). Doanh thu năm 2017 đạt 127 triệu đồng.

Sản xuất gạch Terrazzo: Sản lượng gạch thành phẩm sản xuất là 24.594.000 viên (trong đó, sử dụng nội bộ là 3.588.000 viên). Doanh thu năm 2017 đạt 1,8 tỷ đồng.

Sản xuất Tole & xà gồ: Sản lượng sản xuất là 23.671 m (trong đó, sử dụng nội bộ là 20.530 m). Doanh thu năm 2017 đạt 410,8 triệu đồng.

Hoạt động vận tải hàng hóa: Nhiệm vụ chủ yếu của hoạt động vận tải là thực hiện tốt chức năng luân chuyển hàng hóa hỗ trợ hoạt động kinh doanh VLXD, vận chuyển vật tư hỗ trợ hoạt động xây dựng và sản xuất tại phân xưởng. Do vậy, đơn vị không đặt ra yêu cầu cao về lợi nhuận cho hoạt động này. Nhìn chung các phương tiện đã thực hiện khá tốt chức năng của mình, các hàng hóa, vật tư được vận chuyển kịp thời giao đến nơi cho khách hàng; cung cấp đúng tiến độ, đúng số lượng cho các công trình nội bộ và phân xưởng sản xuất. Doanh thu năm 2017 là 1,999 tỷ đồng, bằng 112% năm 2016 và đạt 106% kế hoạch.

CƠ CẤU CHI PHÍ 2017

Khoản mục	ĐVT	Năm 2016		Năm 2017	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Giá vốn hàng bán	Tr. Đồng	192.458	91,48%	186.178	90,29%
Chi phí tài chính	Tr. Đồng	6.081	2,89%	6.836	3,32%
Chi phí bán hàng	Tr. Đồng	4.558	2,17%	3.911	1,90%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr. Đồng	7.249	3,45%	9.049	4,39%
Chi phí khác	Tr. Đồng	42	0,01%	230	0,10%
Tổng cộng	Tr. Đồng	210.387	100%	206.204	100%

Doanh thu giảm dẫn đến việc chi phí giảm, tuy nhiên, các giá trị chỉ biến động nhẹ do Công ty đã cải thiện công tác quản lý chi phí. Cụ thể, Giá vốn hàng bán là 186 tỷ đồng, giảm 3,26% so với năm trước và cũng là khoản chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí. Chi phí bán hàng giảm 14,19%. Tuy nhiên, chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng lần lượt là 12,42% và 24,83% do biến động lãi suất ngân hàng và yêu cầu nâng cao chất lượng quản lý và nhân sự Công ty. Ngoài ra, trong năm 2017, chi phí cấp quyền khai thác ghi nhận trên giá vốn hàng bán cũng đã ảnh hưởng đến lợi nhuận cuối năm.

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Phan Quốc Thông	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	755.896	18,67%
2	Nguyễn Thanh Huy	Thành viên HĐQT kiêm Phó GD	556.984	13,76%
3	Nguyễn Hoài Yên	Phó Giám đốc	3.543	0,09%
4	Lê Quốc Cường	Phó Giám đốc	39.502	1,00%
5	Phan Tấn Mỹ	Kế toán trưởng	-	-

TÓM TẮT LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Phan Quốc Thông – Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	
Năm sinh	22/04/1965
Nơi sinh	Bến Tre
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	67.565 cổ phiếu
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	688.331 cổ phiếu

Ông Nguyễn Thanh Huy – Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	
Năm sinh	19/05/1970
Nơi sinh	Bến Tre
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	-
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	556.984 cổ phiếu

Ông Nguyễn Hoài Yên – Phó Giám đốc	
Năm sinh	03/04/1975
Nơi sinh	Bến Tre
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Xây dựng
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	3.543 cổ phiếu
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	-

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**Ông Lê Quốc Cường – Phó Giám đốc**

Năm sinh	16/04/1976
Nơi sinh	Bến Tre
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	39.502 cổ phiếu
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	-

Ông Phan Tấn Mỹ – Kế toán trưởng

Năm sinh	27/01/1961
Nơi sinh	Gia Lai
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính – Kế toán
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	-
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	-

**SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN**

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Giới tính	125	100%
1	Nam	107	85,6%
2	Nữ	18	14,4%
II	Trình độ	125	100%
1	Đại học và trên Đại học	39	31,2%
2	Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	30	24%
3	Lao động có tay nghề	36	28,8%
4	Lao động phổ thông	20	16%
III	Đối tượng lao động	125	100%
1	Lao động trực tiếp	58	46,4%
2	Lao động gián tiếp	67	53,6%

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty thực hiện chế độ làm việc 08 giờ/ ngày, 44 giờ/ tuần. Đối với các công việc đặc thù, do yêu cầu của tính chất công việc, thời gian làm có thể sắp xếp linh hoạt hơn.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Công ty ưu tiên tuyển dụng hoặc ký lại hợp đồng với người đã có thời gian làm việc trong Công ty và con em của người lao động nếu đảm bảo được năng lực phù hợp với yêu cầu công việc. Tùy theo mức độ đóng góp của người lao động, Công ty sẽ hỗ trợ về thời gian hoặc kinh phí để tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo định hướng phát triển của Công ty.

Chính sách lương thưởng, phúc lợi

Hàng năm, được sự ủy quyền của ĐHCĐ, HĐQT quyết định chính sách tiền lương căn cứ vào các quy định pháp luật hiện hành cũng như kế hoạch và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Người lao động hưởng lương theo sản phẩm, theo doanh thu và tiền lương được trả cho người lao động và hiệu quả công việc. Chính sách lương thưởng, phúc lợi của Công ty đảm bảo cán bộ, công nhân viên tại từng bộ phận khác nhau được hưởng thu nhập tương xứng với công việc họ đảm nhận. Tùy theo bậc lương, thời gian được xét nâng lương của người lao động là mỗi 2-4 năm.

Các phúc lợi khác của người lao động trong Công ty như: trợ cấp cho người lao động khó khăn về đời sống kinh tế nhưng có ý thức trách nhiệm trong công việc.

Ngoài ra hàng năm công ty có chính sách khen thưởng trong các dịp lễ tết, tổ chức cho cán bộ nhận viên của công ty tham quan, nghỉ mát, đồng thời có chính sách khen thưởng đối với nhân viên xuất sắc, chính sách thăm nom, chế độ đối với lao động nữ,... và các chế độ phúc lợi khác theo qui định của Bộ luật lao động.

Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng trong công tác đảm bảo an toàn lao động cho toàn thể cán bộ công nhân viên. Công ty trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động, đối với các nhân viên làm việc trực tiếp ở lò nung, Công ty cũng có những chính sách đãi ngộ riêng biệt.

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Thu nhập bình quân	Đồng/người/ tháng	3.987.000	5.200.000	5.400.000





DỰ ÁN THỰC HIỆN NĂM 2017

Dự án đầu tư khu tái định cư Phú Tân – TP. Bến Tre

Mục tiêu dự án: Đáp ứng nhu cầu tái định cư, ổn định nơi ở cho các hộ bị giải tỏa và tạo điều kiện thuận lợi đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình trọng điểm của TP. Bến Tre, đồng thời nhằm tranh thủ thu hút nhiều nguồn vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng xây dựng và các dịch vụ công cộng cho TP. Bến Tre. Dự kiến dự án sẽ được phân kỳ thành 2 giai đoạn, giai đoạn 1 với diện tích là 54.852 m² nhằm đáp ứng về nhu cầu nhà ở hiện tại cũng như giải quyết được nguồn vốn đầu tư tiếp tục cho giai đoạn 2. Thông tin tổng quan giai đoạn 1 của dự án như sau:

- Qui mô dự án: 54.852 m²;
- Tổng vốn đầu tư giai đoạn 1: **89 tỷ đồng**.
- Thời gian: Dự kiến thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành là 5 năm.
- Tiến độ dự án:
 - Quý III/2016 đến quý I/2017: Xin chủ trương và chuẩn bị đầu tư (lập quy hoạch, lập dự án đầu tư);
 - Trong Quý II/2017: Đề xuất dự án đầu tư, phê duyệt chủ trương đầu tư, thiết kế bản vẽ thi công;
 - Đầu Quý III/2017 đến đầu Quý III/2018: Khởi công xây dựng san nền, hạ tầng kỹ thuật.
 - Trong Quý III/2018: Đo đạc phân lô, chuyển mục đích sử dụng đất.
 - Từ đầu Quý IV/2018 đến đầu năm 2021: Hoàn thành và khai thác dự án.

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT:

Không.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

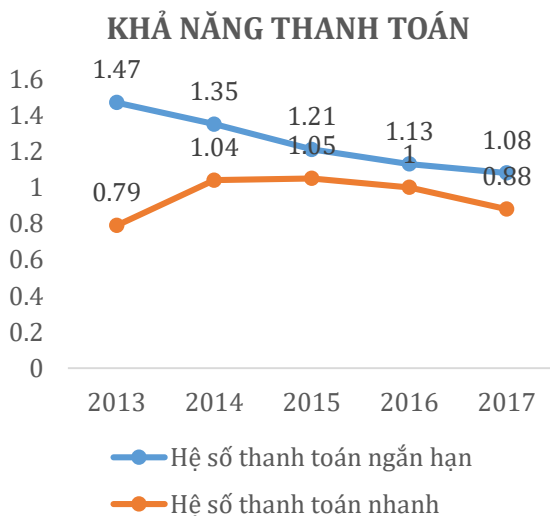
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	Tr. đồng	193.835	187.339	-3,35%
Doanh thu thuần	Tr. đồng	213.588	208.428	-2,42%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr. đồng	3.289	2.471	-24,87%
Lợi nhuận khác	Tr. đồng	4.592	3.921	-14,61%
Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	7.881	6.391	-18,91%
Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	6.296	5.112	-18,81%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	12,5	10,5	

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

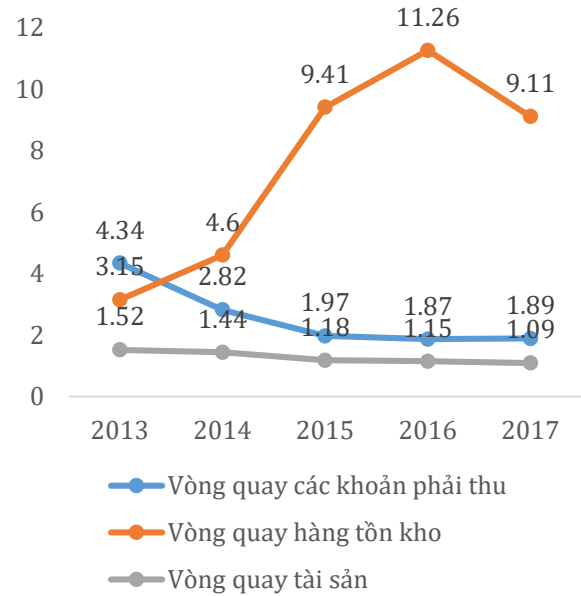
STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán						
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,47	1,35	1,21	1,13	1,08
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,79	1,04	1,05	1,00	0,88
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn						
	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	0,57	0,62	0,63	0,67	0,66
	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	1,31	1,63	1,72	1,99	1,96
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động						
	Vòng quay Các khoản phải thu	Vòng	4,34	2,82	1,97	1,87	1,89
	Vòng quay Hàng tồn kho	Vòng	3,15	4,60	9,41	11,26	9,11
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	1,52	1,44	1,18	1,15	1,09
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời						
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	3,52	3,76	2,83	2,95	2,45
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	12,61	13,37	8,09	9,72	7,98
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	5,36	5,41	3,33	3,40	2,68
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	2,09	3,72	2,73	1,54	1,19

KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Về lĩnh vực ngành vật liệu xây dựng trong năm đã có những chuyển biến tích cực nhờ thị trường bất động sản trên đà phục hồi. Bên cạnh đó, bộ mặt kinh tế - xã hội tỉnh Bến Tre cũng ngày càng đạt được những thành tựu đáng ghi nhận. Từ đó, tạo điều kiện cho Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre định hướng kinh doanh phù hợp để duy trì các chỉ tiêu về khả năng thanh toán. Trong kỳ hoạt động 5 năm vừa qua, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của VXB có xu hướng giảm rõ rệt, hệ số thanh toán ngắn hạn từ 1,47 lần năm 2013 xuống còn 1,08 lần năm 2017 và hệ số thanh toán nhanh giao động từ 0,79 lần đến 1,05 lần. Nguyên nhân chủ yếu là tài sản ngắn hạn của VXB biến động mạnh qua 5 năm do Công ty thay đổi máy móc phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và thanh lý tài sản... Trong khi đó, nợ ngắn hạn lại có xu hướng tăng, từ 85 tỷ đồng năm 2013 lên đến 121 tỷ đồng năm 2017 do đặc thù ngành cần nguồn vốn lưu động ban đầu khá lớn và VXB thì ngày càng mở rộng hoạt động kinh doanh của mình. Dù các chỉ tiêu khả năng thanh toán của Công ty có biến động, tuy nhiên vẫn trong mức an toàn đã cho thấy VXB hoàn toàn đủ khả năng trả được các khoản nợ nhà cung cấp. Riêng năm 2017, hệ số khả năng thanh toán có giảm nhẹ so với năm 2016, hệ số thanh toán ngắn hạn từ 1,13 lần năm 2016 còn 1,08 lần và hệ số thanh toán nhanh từ 1,00 lần giảm còn 0,88 lần.



NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



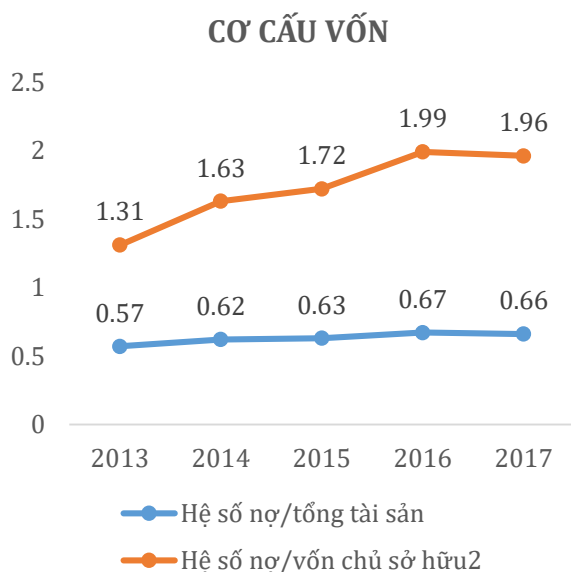
CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Đối với VXB, hai chỉ tiêu vòng quay các khoản phải thu và vòng quay tài sản trong 5 năm hoạt động có xu hướng giảm, tuy nhiên, hai hệ số này vẫn duy trì ổn định và biến động trong biên độ nhỏ. Ngược lại, chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho biến động khá mạnh, đặc biệt tăng trong 4 năm từ 2013 đến 2016 chủ yếu do chi phí sản xuất dở dang trong khoản mục hàng tồn kho giảm (chi phí xây dựng các khu tái định cư, trong đó có khu tái định cư Mỹ Thạnh An). Riêng năm 2017, chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho giảm từ 11,26% còn 9,11% do VXB nhận xây dựng một số công trình mới khiến chi phí xây dựng dở dang tăng trở lại, hàng tồn kho trong năm tăng đến 46,29% so với năm trước. Ngoài ra, trong năm 2017, chỉ tiêu vòng quay các khoản phải thu là 1,89 vòng, tăng nhẹ so với năm 2016 do khoản phải thu trong năm giảm 16,25% từ việc Công ty thu được các khoản nợ ngắn hạn từ khách hàng. Chỉ tiêu vòng quay tài sản giảm còn 1,09 vòng so với năm 2016 do tổng tài sản giảm nhẹ 3,35%.

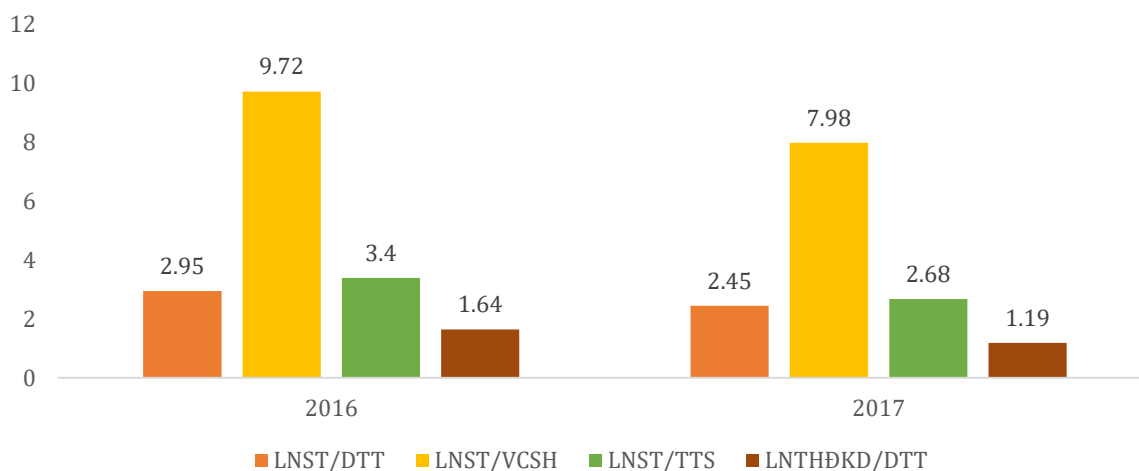
CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Việc quản lý tốt khả năng thanh toán liên quan mật thiết đến cấu trúc vốn của Công ty. Hoạt động trong ngành xây dựng, cần nguồn vốn lớn nên Công ty sử dụng tỷ lệ nợ khá cao trong cơ cấu vốn của mình. Có thể thấy trong kỳ 5 năm, các chỉ tiêu về cơ cấu vốn đều có xu hướng tăng dần. Trong đó, hệ số nợ/tổng tài sản của VXB tăng nhẹ, trong khoảng từ 57% đến 67% và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu tăng từ 131% năm 2013 lên đến 196% năm 2017. Đối với năm 2017, các chỉ tiêu về cơ cấu vốn có giảm nhẹ so với năm 2016 do Công ty không thực hiện vay nợ, trong khi tổng tài sản và vốn

chủ sở hữu biến động nhẹ nên hệ số nợ/tổng tài sản ở mức 66% so với năm trước là 67% và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu là 196% so với 199% năm 2016. Trên thực tế, các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của VXB đang ở mức trung bình ngành nên các chỉ tiêu này chưa thể hiện cơ cấu vốn của VXB là quá rủi ro.



KHẢ NĂNG SINH LỜI



CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Năm 2017, hoạt động thi công xây dựng là hoạt động chiếm tỷ trọng lớn trong tất cả các hoạt động của Công ty, tuy nhiên, do chưa quyết toán được trong năm nên VXB chưa ghi nhận doanh thu. Bên cạnh đó, giá trị trúng thầu năm chỉ đạt 74 tỷ so với ước tính kế hoạch 130 tỷ do ngân sách tỉnh chưa bố trí vốn kịp thời, công trình đấu thầu chuyển sang năm 2018. Vì vậy, thời điểm 31/12/2017, VXB ghi nhận khoản lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh giảm 24,87% so với năm trước, đồng thời, doanh thu và lợi nhuận trong năm giảm nhẹ cũng đã ảnh hưởng đến các hệ số khả năng sinh lời. Cụ thể, ROS giảm còn 2,45%, ROE 7,98%, ROA 2,68% và hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần là 1,19%.

CỔ PHẦN

- Vốn điều lệ: 40.490.060.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 4.049.006 cổ phiếu
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
 - Cổ phiếu thường: 4.049.006 cổ phiếu
 - Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 4.049.006 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI NGÀY 31/12/2017

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cp năm giữ	Tỷ lệ năm giữ (%)
1	Cổ đông trong nước	202	4.041.106	99,8%
	- Tổ Chức	4	2.014.626	49,76%
	- Cá nhân	198	2.026.276	50,04%
2	Cổ đông nước ngoài	1	7.900	0,2%
	- Tổ chức	-	-	-
	- Cá nhân	1	7.900	0,2%
	Tổng cộng	203	4.049.006	100%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Phân loại cổ đông	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Ngày cấp	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước, đại diện là:	Nhà nước	0101992921	30/9/2014	2.014.626	49,76
	<i>Phan Quốc Thông</i>	Nhà nước	320521272	25/4/2006	688.331	17,00
	<i>Nguyễn Thanh Huy</i>	Nhà nước	320711004	7/12/2006	556.984	13,76
	<i>Mai Thị Thanh Thủy</i>	Nhà nước	013188315	27/5/2009	769.311	19,00
2	Cao Toàn Thắng	CĐ lớn	022970109	22/8/2006	293.500	7,25
3	Ngô Hữu Tài	CĐ lớn	320496669	11/6/2010	270.126	6,67

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

Các chứng khoán khác: Không.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUYÊN VẬT LIỆU

STT	Tên NVL	ĐVT	Năm 2016		Năm 2017	
			Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
1	Đá mi bụi	m3	686	144.365.000	555	108.414.810
2	Cát vàng	m3	271	13.354.000	147	4.901.568
3	Đá hạt	kg	157.560	163.704.000	88.900	92.366.626
4	Bột đá	kg	88.900	88.900.000	157.560	157.560.000
5	Bột màu	kg	4.478	246.899.000	3.336	117.427.200
6	Ximăng đen	kg	336.450	384.515.000	260.100	323.564.400
7	Ximăng trắng	kg	33.600	122.942.000	33.600	122.976.000
	Cộng	Đồng		1.663.273.000		927.210.604

Tổng giá trị NVL đầu vào đã sử dụng cho sản xuất trong năm 2017 đều giảm so với năm 2016 do các nguyên nhân sau đây:

- Năm 2017, sản lượng sản xuất giảm so với năm 2016, do trong năm 2017 không xây dựng kế hoạch sản xuất gạch nung, bê tông tự chèn.
- Về giá trị nguyên vật liệu: Trong quá trình sản xuất, có sự kiểm soát chặt chẽ các khâu để giảm tỷ lệ hao hụt nguyên vật liệu; Nguyên vật liệu đầu vào năm 2017 có sự biến động nhẹ.

Phương án tiết kiệm, tái chế NVL trong tương lai: Công ty chưa xây dựng phương án tiết kiệm nguyên vật liệu cụ thể nhưng trong thực tế tổ chức sản xuất có thực hiện việc kiểm soát nguyên vật liệu đầu vào, định mức nguyên vật liệu cho từng đơn vị sản phẩm. Từng tháng có kiểm tra lượng nguyên vật liệu thực tế sử dụng và định mức qui định để điều chỉnh kịp thời. Đồng thời, do đặc thù nguyên vật liệu sản xuất chỉ sử dụng một lần và không thể tái chế nên không xây dựng kế hoạch tái chế.



TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG DÙNG CHO SẢN XUẤT TRONG NĂM

STT	Năng lượng	Đvt	Năm 2016		Năm 2017	
			SL	Giá trị	SL	Giá trị
1	Điện	kw	12.325	28.347.500	4.986	11.467.800
2	Trấu	kg	419.878	397.897.000	419.878	397.897.000

NĂNG LƯỢNG TRỰC TIẾP GỒM:

- Điện dùng SX gạch: 4.986 kw
- Giá trị sử dụng 2017: 11.467.800 đồng

NĂNG LƯỢNG GIÁN TIẾP

- Trấu dùng nung gạch mộc từ đất sét thành gạch nung thành phẩm: 419.878 kg
- Giá trị sử dụng 2017: 397.897.000 đồng

LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG

- Nước dùng SX gạch mộc và gạch bê tông: 700 m³
- Giá trị sử dụng 2017: 6.300.000 đồng

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM

Hiện tại Công ty chủ yếu sử dụng 2 loại năng lượng là: điện dùng để SX gạch bê tông; điện và trấu dùng cho sản xuất gạch đất sét nung. Mặc dù chưa có phương án cụ thể nhưng trong thực tế luôn thực hiện bố trí nhân sự, máy móc hoạt động đồng bộ, liên tục để tiết kiệm điện (không để máy hoạt động dư công suất, các công đoạn phối hợp nhịp nhàng để tránh máy chạy không tải ...). Việc này được thực hiện nghiêm túc từ khi bố trí sản xuất và được kiểm tra, kiểm soát liên tục.

Đối với việc đốt trấu nung gạch đất sét, trước khi bắt đầu nung gạch phải tiến hành trình tự các khâu từ kiểm tra lò nung, chất gạch mộc đúng kỹ thuật, tỷ lệ hợp lý giữa gạch ống và gạch thẻ ... Khi nung phải thường xuyên kiểm tra nhiệt độ trong lò, thời gian nung lửa lớn, lửa nhỏ phải hợp lý để đảm bảo gạch thành phẩm đạt chất lượng (không thấp hơn tỷ lệ qui định) và tiết kiệm trấu. Sau khi nung gạch xong tiến hành thống kê, so sánh lượng trấu thực tế đưa vào nung đốt và định mức theo qui định.



CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Có chế độ bồi dưỡng cho công nhân đốt lò nung gạch hàng tháng (bằng hiện vật: đường, sữa...);
- Lương công nhân hưởng trên sản phẩm làm ra được quy định cho từng sản phẩm: như gạch bê tông 14.365 đ/m²; gạch nung 277 đồng/viên...;
- Hàng năm cty có tập huấn nghiệp vụ kỹ thuật an toàn - vệ sinh lao động;
- Chế độ bảo hiểm đầy đủ (BHYT, BH tai nạn..);
- Chế độ làm việc: công ty thực hiện chế độ 08 giờ/ngày, 44 giờ/tuần.



Chính sách lương thưởng:

Công ty thực hiện chế độ tiền lương theo đúng quy chế tiền lương của Công ty, đảm bảo cán bộ công nhân viên tại từng bộ phận khác nhau được hưởng thu nhập tương xứng với công việc mà mình đảm nhận. Chế độ thưởng cho cán bộ công nhân viên được Ban lãnh đạo Công ty xây dựng dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty, trình Đại hội cổ đông hàng năm quyết định mức thưởng phù hợp cho Ban lãnh đạo, cán bộ quản lý và từng cán bộ nhân viên Công ty. Các phúc lợi khác của người lao động trong Công ty cũng được đảm bảo. Hàng năm, cán bộ nhân viên được tổ chức các buổi tham quan, nghỉ dưỡng, các hoạt động văn nghệ, thể thao nhằm tái tạo sức lao động, đồng thời nâng cao tinh thần đoàn kết giữa nhân viên toàn Công ty.

Chế độ bảo hiểm:

Người lao động tại VXB được đảm bảo các chế độ bảo hiểm theo đúng quy định của Nhà nước: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp,...

Chính sách tuyển dụng:

Công ty ưu tiên tuyển dụng hoặc ký lại hợp đồng lao động với những người đã có thời gian làm việc trong Công ty và con em của người lao động nếu đảm bảo được năng lực và phù hợp với yêu cầu công việc. Tùy theo mức độ đóng góp của người lao động, Công ty sẽ hỗ trợ người lao động về thời gian hoặc kinh phí để tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo định hướng, kế hoạch của Công ty, nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty trong giai đoạn sắp tới.



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Là đơn vị hoạt động trên địa bàn tỉnh Bến Tre, VXB phối hợp cùng với cơ quan địa phương cung ứng đầu vào cho các dự án hạ tầng, phục vụ cộng đồng, các dự án an sinh xã hội trong khu vực. Đồng thời cung cấp nguyên liệu ổn định, chất lượng cho các công trình và cho nhu cầu nhà ở của người dân Bến Tre.

Ban lãnh đạo Công ty tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức đoàn thể hoạt động thuận lợi và phối hợp với các đoàn thể làm tốt công tác giáo dục chính trị, phổ biến Chủ trương, Chính sách của Nhà nước cho cán bộ nhân viên, hưởng ứng thực hiện tốt các cuộc vận động Kế hoạch hóa gia đình, phòng chống HIV AIDS, ma túy, phong trào sạch và xanh... tham gia tốt các hội thi do cấp trên tổ chức.

Tiếp tục vận động và đóng góp xây dựng nhà tình nghĩa, tình thương cho các gia đình chính sách, thăm và tặng quà cho các gia đình cán bộ nhân viên thuộc diện chính sách nhân ngày thương binh liệt sĩ, hỗ trợ kinh phí và tặng tập vở cho các trường học ở vùng sâu, vùng xa, hưởng ứng tốt công tác góp quỹ vì trẻ thơ, tháng hành động vì người nghèo, ...



TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường và trong năm 2017 không có trường hợp vi phạm về pháp luật bảo vệ môi trường.



03

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến trong năm
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Báo cáo về trách nhiệm với môi trường và xã hội



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CHUNG**

Khoản mục	ĐVT	KH 2017	TH 2017	So với kế hoạch
Tổng doanh thu	Tr. Đồng	233.369	212.595	91,10%
Lợi nhuận trước thuế	Tr. Đồng	8.100	6.391	78,90%

Tình hình thị trường xây dựng và vật liệu xây dựng trong năm 2017 đã mở ra nhiều cơ hội mới cho các doanh nghiệp trong ngành, tuy nhiên, thị phần VXB dần bị thu hẹp trước bối cảnh hội nhập và sự tăng trưởng của các doanh nghiệp trong nước. Thêm vào đó, các thách thức từ thiên tai hạn hán và nhập mặn tại các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long, trong đó có Bến Tre, đã ít nhiều ảnh hưởng đến quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như tác động đến quá trình xây dựng các công trình. Ngoài ra, các yếu tố khác về chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản, các nguyên tắc kiểm tra chất lượng công trình kéo dài cũng như việc chậm quyết toán doanh thu và giải ngân vốn chậm ... đã ảnh hưởng đến hiệu quả một số lĩnh vực hoạt động của đơn vị.

Ban Giám đốc trong năm đã nỗ lực phân tích và đánh giá tình hình kinh tế - xã hội cũng như khả năng thích ứng của VXB để đưa ra những chiến lược kinh doanh và kế hoạch thực hiện. Hơn nữa, kịp thời có những chỉ đạo, hướng giải quyết, biện pháp thực hiện cho từng sự việc tại từng thời điểm nhằm mục tiêu hạn chế thấp nhất các tác động tiêu cực đến kết quả hoạt động SXKD, đảm bảo hoạt động kinh doanh có hiệu quả và phù hợp với năng lực của đơn vị.

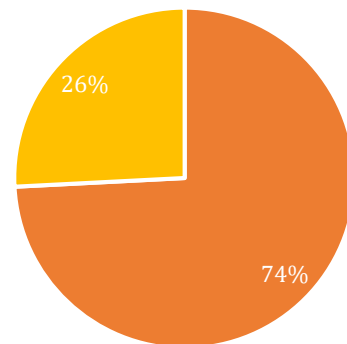


TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2016	2017	% tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	Tr. đồng	143.799	130.801	-9,04%
Tài sản dài hạn	Tr. đồng	50.037	56.538	12,99%
Tổng tài sản	Tr. đồng	193.835	187.339	-3,35%

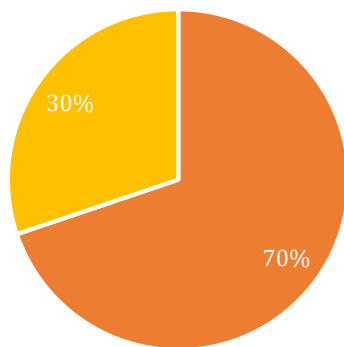
VXB có tài sản ngắn hạn chiếm 70% cơ cấu tài sản và tài sản dài hạn chiếm 30% cơ cấu tài sản. Trong tương lai, Công ty đang dần chuyển dịch cơ cấu tổng tài sản, gia tăng tỷ trọng tài sản dài hạn nhằm đáp ứng yêu cầu đầu tư đổi mới công nghệ sản xuất gạch để phù hợp với nhu cầu thị trường và định hướng phát triển ngành Vật liệu xây dựng của Chính phủ.

Năm 2016



■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn

Năm 2017



■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn

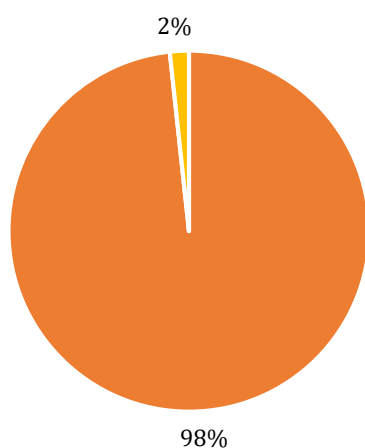
Trong năm, Tổng tài sản Công ty giảm 3,35%, từ 193,84 tỷ đồng tại thời điểm ngày 31/12/2016 còn 187,34 tỷ tại ngày 31/12/2017. Trong đó, tài sản ngắn hạn giảm 9,04%, đạt mức 130,8 tỷ đồng do Công ty đã thu được các khoản nợ ngắn hạn từ khách hàng. Bên cạnh đó, tài sản dài hạn tăng 12,99%, từ 50,04 tỷ vào cuối năm 2016 lên 56,54 tỷ đồng vào cuối năm 2017 do các khoản phải thu khách hàng dài hạn và chi phí sản xuất dài hạn tăng.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2016	2017	% tăng/giảm
Nợ ngắn hạn	Tr. đồng	126.751	121.022	-5,01%
Nợ dài hạn	Tr. đồng	2.194	3.015	37,48%
Tổng nợ phải trả	Tr. đồng	128.944	124.125	-3,74%

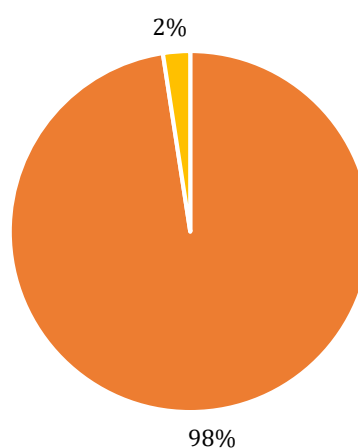
Cơ cấu nợ của Công ty chủ yếu là nợ ngắn hạn do đặc thù ngành cần đầu tư ban đầu và vốn lưu động cao. Do đó, biến động nợ ngắn hạn của Công ty sẽ ảnh hưởng đến biến động tổng nợ. Trong năm 2017, tổng nợ của VXB là 124,13 tỷ đồng, giảm 3,74% so với năm 2016, chủ yếu do nợ ngắn hạn giảm 5,01%, từ 126,75 tỷ đồng năm 2016 còn 121,02 tỷ đồng năm 2017. Bên cạnh đó, nợ dài hạn có tăng nhưng tỷ trọng không đáng kể so với tổng nợ, cụ thể, nợ dài hạn từ 2,19 tỷ đồng năm 2016 tăng lên 3,02 tỷ đồng năm 2017 do Công ty vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre để mua tài sản phục vụ hoạt động kinh doanh.

Năm 2016



■ Nợ ngắn hạn ■ Nợ dài hạn

Năm 2017



■ Nợ ngắn hạn ■ Nợ dài hạn

NHỮNG CẢI TIẾN TRONG NĂM

VXB đảm bảo thực hiện theo các kế hoạch chung của tỉnh Bến Tre, đồng thời phổ biến các quy định cần thiết về chính sách, chỉ thị, đề án, chương trình, kế hoạch ... đã ban hành nhằm cập nhật các yêu cầu nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế trên địa bàn tỉnh nói riêng và tăng trưởng kinh tế Việt Nam nói chung.

Công ty trong năm 2017 thực hiện chiến lược mở rộng thị trường và bán hàng linh động hơn, nhất là việc giảm giá hàng bán, chiết khấu số lượng... đồng thời nâng cao năng lực sản xuất, khai thác khoáng sản cũng như chất lượng công trình để đảm bảo uy tín trên thị trường.

Ngoài ra, những nỗ lực đổi mới trong quy trình quản lý và kiểm soát nhân sự Công ty được nâng cao và tạo sự đồng bộ chung cho các ban ngành, phòng ban của Công ty.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Trên cơ sở phân tích những yếu tố, các mục tiêu, năng lực của Công ty và cơ hội phát triển, Ban Giám đốc Công ty đề ra các chỉ tiêu kế hoạch 2018 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2017	TH 2017	KH 2018	TH2017/ KH2017	KH2018/ TH2017
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	233.369	212.595	225.000	91%	106%
a	Bán hàng, cung cấp DV	Triệu đồng	228.325	208.428	221.480	91%	106%
b	Thu nhập khác	Triệu đồng	5.000	4.150	3.500	83%	84%
c	Thu nhập hoạt động TC	Triệu đồng	44	17	20	39%	118%
2	Tổng chi phí	Triệu đồng	225.269	206.204	214.880	92%	104%
3	Tổng LN trước thuế	Triệu đồng	8.100	6.391	6.600	79%	103%
4	Số phải nộp ngân sách	Triệu đồng	15.425	17.783	18.400	115%	103%
5	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%	3,67	3,01	2,93		

Chi tiết từng hoạt động như sau:

KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Công ty tiếp tục hoàn thiện các chính sách bán hàng cho phù hợp với tình hình mới (chính sách áp dụng cho đại lý, thầu thợ, đơn vị thi công, nhà dân ...) của các nhóm hàng hóa (xi măng, thép xây dựng, sơn, ống nhựa ...) nhằm tăng cường thâm nhập vào các phân khúc mà thị trường và thị phần còn hạn chế.

Để duy trì và phát triển thị phần thì ngoài những yếu tố như thương hiệu, chất lượng, giá bán ... thì khâu chăm sóc khách hàng sẽ luôn được đơn vị chú trọng. Với phương châm sự hài lòng của khách hàng là thước đo hiệu quả hoạt động SXKD nên trong thời gian tới sẽ tiếp tục thực hiện có chiều sâu, tác phong giao tiếp chuyên nghiệp hơn cả trong nội bộ, trong giao tiếp với khách hàng; đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng ở tất cả các khâu trước, trong và sau bán hàng.

Ngoài ra, để nâng cao tinh thần trách nhiệm, khuyến khích tăng thu nhập theo năng lực của từng cá nhân thì đơn vị sẽ tiếp tục hoàn thiện chính sách trả lương, thưởng cho người lao động theo hướng đảm bảo thu nhập hợp lý trên cơ sở làm theo năng lực, hưởng theo năng suất thích hợp theo từng bộ phận.

Công tác lập kế hoạch mua bán, dự trữ hàng hóa hợp lý theo từng thời điểm để ứng phó với sự biến động về giá cả, nguồn cung hàng hóa, đảm bảo luôn có đúng chủng loại, đủ số lượng, giao hàng đúng thời gian cho các công trình, các đại lý và thị trường v.v...

Rà soát, chấn chỉnh có chiều sâu ở tất cả các khâu để đảm bảo các nhu cầu của thị trường, của khách hàng phải được đáp ứng kịp thời, đầy đủ. Quá trình luân chuyển hàng hóa phải được diễn ra liên tục, xuyên suốt và không bị ách tắc ở bất kỳ khâu nào.

Kiểm tra việc thực hiện qui trình, qui chế phối hợp làm việc giữa các khâu như nghiệp vụ, bán hàng, điều động, kho bãi, phương tiện ... định kỳ phân tích đánh giá, điều chỉnh cho phù hợp thực tế nhằm thực hiện nhiệm vụ một cách tốt nhất và phát huy hiệu quả một cách tối ưu.

Các nhiệm vụ của kế hoạch năm 2018 sẽ phải được thực hiện nghiêm túc, từng thời điểm có sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện để đánh giá, phân tích ... để kịp thời đề ra các giải pháp khắc phục khuyết điểm hay tăng cường phát huy các ưu điểm nhằm cải thiện, nâng cao tính hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh.

➤ *Các chỉ tiêu cụ thể như sau:*

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2017	TH 2017	KH 2018	So sánh	
						TH 2017/ KH 2017	KH 2018/ TH 2017
1	Giá trị hàng hóa mua vào	1.000 đ	108.000.000	102.276.317	115.000.000	95%	112%
	<i>Trong đó giá trị sử dụng nội bộ</i>	<i>1.000 đ</i>	<i>28.000.000</i>	<i>38.329.702</i>	<i>47.300.000</i>	<i>137%</i>	<i>123%</i>
2	Tổng sản lượng mua vào						
	Xi măng các loại	Tấn	55.000	46.992	56.000	85%	119%
	Đá các loại	m ³	31.000	32.876	33.500	106%	102%
	Cát xây dựng	m ³	23.000	23.830	24.000	104%	101%
	Thép xây dựng	Tấn	1.380	1.329	1.450	96%	109%
3	Tổng sản lượng tiêu thụ						
	Xi măng các loại	Tấn	55.300	45.865	56.000	83%	122%
	Đá các loại	m ³	30.500	32.505	33.000	107%	102%
	Cát xây dựng	m ³	22.200	23.047	24.000	104%	104%
	Thép xây dựng	Tấn	1.375	1.346	1.400	98%	104%
a	Sản lượng bán ra KD						
	Xi măng các loại	Tấn	50.300	39.947	49.300	79%	123%
	Đá các loại	m ³	15.500	11.313	11.500	73%	102%
	Cát xây dựng	m ³	11.200	10.328	11.000	92%	107%
	Thép xây dựng	Tấn	510	327	350	64%	107%
b	Sản lượng sử dụng nội bộ						
	Xi măng các loại	Tấn	5.000	5.918	7.000	118%	118%
	Đá các loại	m ³	15.000	21.192	21.500	141%	101%
	Cát xây dựng	m ³	11.000	12.719	13.000	116%	102%
	Thép xây dựng	Tấn	865	1.019	1.050	118%	103%
4	Doanh thu kinh doanh	1.000 đ	82.500.000	67.006.049	82.000.000	81%	122%
	Xi măng các loại	1.000 đ	66.100.000	51.906.947	64.690.000	79%	125%
	Đá các loại	1.000 đ	6.623.000	4.782.422	5.000.000	72%	105%
	Cát xây dựng	1.000 đ	896.000	2.042.436	2.100.000	228%	103%
	Thép xây dựng	1.000 đ	5.723.000	3.988.462	4.780.000	70%	120%
	Hàng hóa khác	1.000 đ	1.622.000	4.285.782	5.430.000	264%	127%
5	Chi phí	1.000 đ	75.880.000	63.901.889	75.620.000	84%	118%
6	Phí phân bổ hàng bán	1.000 đ	9.300.000	6.204.185	7.380.000	67%	119%
7	Thu nhập khác	1.000 đ	5.000.000	4.150.368	3.500.000	83%	84%
8	Thu nhập hoạt động TC	1.000 đ	44.000	16.963	20.000	39%	118%
9	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	2.320.000	1.050.343	2.500.000	45%	238%
10	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ doanh thu	%	2,81%	1,57%	3,05%		

HOẠT ĐỘNG THI CÔNG SAN LẤP, XÂY DỰNG

Tình hình chung của ngành xây dựng năm 2018 có nhiều khả quan và dấu hiệu tăng trưởng tích cực do:

- Nhà nước có chủ trương thực hiện xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiệu quả; tập trung rà soát, xây dựng, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch liên quan đến kết cấu hạ tầng đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 theo các quy định pháp luật về quy hoạch.
- Xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp nhằm tăng tính hấp dẫn để khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu... các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện kiểm soát chặt chẽ tiến trình đô thị hóa gắn với công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
- Từng bước xây dựng các đô thị đồng bộ về kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; đô thị thông minh, xanh, tiết kiệm năng lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu. Hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật về đối tác công tư.

Tuy nhiên vẫn còn nhiều thách thức, áp lực mà ngành xây dựng phải đối mặt trong thời gian tới là:

- Giá cả nguyên vật liệu sắt, thép, cát... có xu hướng tăng mạnh trong khi tình hình giải ngân quyết toán cho các công trình vẫn còn chậm dẫn đến các đơn vị thi công xây dựng sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc bố trí vốn để triển khai thi công đúng tiến độ.
- Sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, quyết liệt giữa các đơn vị thi công xây dựng cũng làm cho tình hình càng thêm phức tạp, mất ổn định.

Công ty CP VLXD Bến Tre xác định lĩnh vực thi công xây dựng vẫn là lĩnh vực chủ lực mang về doanh thu và lợi nhuận trong thời gian tới. Công ty sẽ chú trọng thực hiện các nhiệm vụ, đề ra các giải pháp trong thời gian tới để hoạt động thi công xây dựng phát huy hiệu quả tối ưu nhất, cụ thể:

- Các phòng, bộ phận, phân xưởng cần linh động, chủ động hơn trong việc đề xuất, lập kế hoạch sản xuất để giao hàng kịp thời cho các công trình thi công đúng tiến độ; tiếp tục thực hiện tốt các chức trách, nhiệm vụ của mình để hỗ trợ để hoạt động thi công san lấp, xây dựng hoàn thành tốt nhiệm vụ;
- Chú trọng khắc phục những mặt tồn tại, hạn chế trong việc bố trí vốn, cung ứng hàng hóa, vật tư ... cho các công trình;
- Quản lý chi phí, tài chính và xây dựng kế hoạch phân bổ vốn cho từng công trình theo từng thời điểm phù hợp với tình hình tài chính của đơn vị;
- Xây dựng các biện pháp quản lý tiến độ thi công, chất lượng công trình; Tăng cường công tác phối hợp giữa các bộ phận để lập kế hoạch sử dụng vật tư ngắn hạn, trung hạn, dài hạn sát theo tiến độ thi công của từng công trình. Việc làm này không những tạo sự chủ động trong việc cung cấp vật tư mà còn hạn chế sự phát sinh tăng giá vật tư của các công trình;
- Thực hiện các bước chuẩn bị để thực hiện tốt công tác quyết toán nội bộ, quyết toán với chủ đầu tư ... thường xuyên liên hệ với các bên có liên quan để rút ngắn thời gian giải ngân, quyết toán các công trình.

► **Các chỉ tiêu cụ thể như sau:**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2017	TH 2017	KH 2018	So sánh	
						TH 2017/ KH 2017	KH 201/ TH 2017
1	Doanh thu	1.000 đ	136.000.000	117.248.011	130.000.000	86%	111%
2	Chi phí	1.000 đ	131.050.000	114.714.631	127.000.000	88%	111%
3	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	4.950.000	2.533.380	3.000.000	51%	118%
4	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%	3,64%	2,16%	2,31%		

HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC CÁT

Nhà nước tăng cường công tác quản lý tài nguyên cát lòng sông, tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp theo Nghị quyết số 08/2014/NQ-HĐND về việc điều chỉnh quy hoạch thăm dò, khai thác cát lòng sông đến năm 2020. Khẩn trương hoàn thành các thủ tục theo quy định để đưa 04 mỏ cát đã được cho chủ trương đi vào hoạt động nhằm giải quyết những khó khăn, thiếu nguồn cát san lấp các công trình trọng điểm của tỉnh và nhu cầu san lấp trong nhân dân. Đối với đơn vị thì năm 2018 còn được phép khai thác tại 02 mỏ cát Phụng Châu và Tiên Thủy - An Hiệp. Do vậy, kế hoạch khai thác 2018 được lập dựa khả năng tiêu thụ, trữ lượng, công suất được phép khai thác của 02 mỏ cát trên. Đến cuối năm 2018 thì 02 mỏ cát trên cũng hết thời hạn được phép khai thác. Đồng thời nhu cầu cát san lấp của các công trình và của thị trường vẫn còn rất lớn. Do vậy, đơn vị đang có liên hệ với các cơ quan quản lý nhà nước để nắm định hướng, chủ trương, chính sách ... của nhà nước để tiến hành các bước thủ tục xin khai thác hoặc đấu giá quyền khai thác cát san lấp để có nguồn hàng cung ứng cho thị trường, cho các công trình và mang về doanh thu cũng như lợi nhuận cho đơn vị trong thời gian tới.

Đối với các mỏ còn được phép khai thác thì năm 2018 sẽ phải tiếp tục thực hiện các công việc đúng theo qui định của nhà nước về khai thác khoáng sản.

► **Các chỉ tiêu cụ thể như sau:**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2017	TH 2017	KH 2018	So sánh	
						TH 2017/ KH 2017	KH 2018/ TH 2017
1	Sản lượng khai thác	m3	425.000	1.158.814	200.000	273%	17%
2	Doanh thu	1.000 đ	3.825.000	17.948.988	4.380.000	469%	24%
3	Chi phí	1.000 đ	3.135.000	15.389.662	3.520.000	491%	23%
4	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	690.000	2.559.326	860.000	371%	34%
5	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%	18,04%	14,26%	19,63%		

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VLXD

► **Định hướng chung của nhà nước:**

Để khắc phục tình trạng như hiện nay, Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng đã yêu cầu trong thời gian tới, các cơ quan quản lý ở Trung ương và địa phương, doanh nghiệp cần phối hợp tốt hơn nữa để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về VLXD. Đầu tư sản xuất các loại VLXD thân thiện với môi trường, lựa chọn tìm vật liệu thay thế vật liệu truyền thống. VLXD phải phát triển đáp ứng được nhu cầu cho ngành xây dựng trong nước, hướng tới xuất khẩu ngày càng

hiệu quả hơn. Đồng thời, từng bước đổi mới công nghệ sản xuất, tiết kiệm năng lượng, đẩy mạnh sử dụng vật liệu không nung thay thế vật liệu nung.

Nhanh chóng nghiên cứu và sử dụng chất thải của các nhà máy để sản xuất VLXD. Rà soát các quy hoạch VLXD để cập nhật, điều chỉnh bổ sung cho phù hợp; xây dựng kế hoạch phát triển đối với các VLXD chủ yếu; kiểm soát quá trình phát triển VLXD đảm bảo yêu cầu phát triển bền vững; nghiên cứu xây dựng chiến lược phát triển VLXD Việt Nam, tập trung vào một số sản phẩm mũi nhọn. Các địa phương kiểm soát quá trình đầu tư phát triển VLXD đảm bảo tính bền vững, đặc biệt là kiểm soát việc sản xuất gạch đất sét nung và các cơ sở sản xuất VLXD gây ô nhiễm môi trường; tính toán nhu cầu cát xây dựng, vật liệu san lấp để có kế hoạch đáp ứng, chú ý sử dụng vật liệu thay thế cát xây dựng, cát san nền và thực hiện nghiêm quy định báo cáo hoạt động khoáng sản, quản lý nhà nước về khoáng sản.

➤ **Các chỉ tiêu cụ thể như sau:**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2017	TH 2017	KH 2018	So sánh	
						TH 2017/ KH 2017	KH 2018/ TH 2017
1	Doanh thu	1.000 đ	2.716.000	2.420.191	2.500.000	89%	103%
2	Chi phí	1.000 đ	2.690.000	2.297.839	2.350.000	85%	102%
3	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	26.000	122.352	150.000	471%	123%
4	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%	0,96%	5,06%	6,00%		

➤ **Đối với mặt hàng gạch đất sét nung:**

Trong thời gian qua, đơn vị duy trì hoạt động này chủ yếu là để:

- **Một là** giải quyết công ăn việc làm cho người lao động tại phân xưởng trong thời gian chờ đầu tư sản xuất gạch không nung theo công nghệ mới;
- **Hai là** có nguồn gạch cung cấp cho các công trình do đơn vị thi công, việc cung cấp này chủ yếu là để có nguồn vật tư để thi công công trình và một mặt là hỗ trợ cho hoạt động xây dựng phát huy hiệu quả, mang về lợi nhuận cho đơn vị. Song song đó là cung ứng một phần cho thị trường để góp phần ổn định tình hình thị trường gạch đất sét nung.
- **Ba là** nguồn cung gạch nung thành phẩm đơn vị mua từ các tỉnh khác về cung ứng cho thị trường chưa ổn định về giá cả, chất lượng và tiến độ cung cấp.

Từ định hướng chung của Nhà nước và phân tích đánh giá tình hình thực tế của đơn vị trong thời gian qua thì hoạt động này không mang lại hiệu quả về mặt lợi nhuận. Đồng thời để thực hiện việc tái cấu trúc hoạt động sản xuất cho phù hợp với tình hình thị trường, định hướng phát triển của đơn vị, do vậy dự kiến quý IV năm 2018 đơn vị sẽ ngưng hoạt động sản xuất gạch đất sét nung. Song song đó là tiến hành nghiên cứu nhu cầu thị trường, định hướng phát triển vật liệu không nung của tỉnh, công nghệ sản xuất tối ưu nhất để tiến hành đầu tư và tổ chức sản xuất.

➤ **Đối với mặt hàng gạch terrazzo:**

Mặt hàng gạch terrazzo Đồng Khởi đã khẳng định được thương hiệu trên thị trường tỉnh Bến Tre, được thị trường đón nhận, tin tưởng và lựa chọn sử dụng cho các công trình cả công nghiệp và dân dụng.

Trước chủ trương phát triển đô thị chung của tỉnh, đơn vị sẽ tăng cường công tác quảng bá, giới thiệu sản phẩm rộng rãi hơn nhằm mở rộng thị trường, gia tăng thị phần.

Để nâng cao chất lượng phục vụ, tạo sự hài lòng tối đa cho khách hàng thì trong thời gian tới đơn vị sẽ tiếp tục hoàn thiện hơn nữa hoạt động này để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng để tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, để đạt mục tiêu trên thì đơn vị phải chú trọng đến:

- **Một là** tiếp tục thực hiện điều tra, nghiên cứu thị trường để mặt hàng gạch terrazzo Đồng Khởi theo kịp xu hướng phát triển của thị trường;
- **Hai là** thực hiện tốt khâu hậu mãi, thực hiện các tốt chính sách đối với người môi giới, khách hàng gián tiếp ...;
- **Ba là** công tác kiểm tra, giám sát từ khâu nhập nguyên vật liệu, tổ chức sản xuất, bảo dưỡng, giao nhận ... phải đảm bảo tính liên kết của các khâu và đảm bảo sản phẩm đạt chất lượng tốt nhất khi cung ứng cho thị trường;
- **Bốn là** thương hiệu gạch terrazzo Đồng Khởi đã được chứng nhận ISO 9001:2015, chứng nhận hợp quy theo TCVN 7744 - 2013. Do vậy, trong quá trình sản xuất phải đảm bảo thực hiện đúng qui trình kỹ thuật để đảm bảo sản phẩm xuất xưởng đạt các chỉ tiêu theo các tiêu chuẩn đã đăng ký.

Để thực hiện đạt những mục tiêu, định hướng trên thì ngoài sự nỗ lực phấn đấu của tập thể phân xưởng gạch, phòng kinh doanh và từng cá nhân có liên quan trong việc nâng cao ý thức trách nhiệm với công việc được giao thì song song đó Ban Giám đốc sẽ thường xuyên theo sát, nắm bắt tình hình bố trí sản xuất, nhu cầu thị trường ... để có những sự chỉ đạo, phương án giải quyết kịp thời nhằm phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

➤ **Các chỉ tiêu cụ thể như sau:**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2017	TH 2017	KH 2018	So sánh	
						TH 2017/ KH 2017	KH 2018/ TH 2017
1	Sản lượng gạch TP SX	1.000 v	21.000	24.594	33.000	117%	134%
2	Sử dụng nội bộ:	1.000 v	5.000	3.588	14.000	72%	390%
3	Sản lượng KD bán ra	1.000 v	17.000	18.948	19.000	111%	100%
4	Doanh thu	1.000 đ	1.691.000	1.819.520	2.000.000	108%	110%
5	Chi phí	1.000 đ	1.665.000	1.702.906	1.870.000	102%	110%
6	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	26.000	116.614	130.000	449%	111%
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%	1,54%	6,41%	6,50%		

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT TOLE, XÀ GỖ

Sản lượng sản xuất và tiêu thụ trong năm có tăng trưởng 34% so với thực hiện năm 2016, tuy nhiên sản lượng tăng chủ yếu là cung cấp cho các công trình xây dựng công nghiệp do đơn vị thi công (tăng 69%), còn thị trường xây dựng dân dụng giảm tới 57%. Nguyên nhân là do trong thời gian qua thị hiếu người dân chuyển qua sử dụng các sản phẩm như ngói đất sét nung và ngói ximăng làm tấm lợp do tính thẩm mỹ, độ bền của các loại vật liệu này.

Tuy gặp nhiều bất lợi nhưng mặt hàng này trong thời gian tới vẫn khả quan do tác động tích cực từ kế hoạch xây dựng và phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre mang lại. Nhóm khách hàng tiềm năng trong thời gian tới là các đơn vị thi công xây dựng các nhà máy, nhà xưởng, công trình phụ trợ ... tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Để thực hiện đạt kế hoạch năm 2018 đơn vị sẽ phải thực hiện tốt hai việc:

- **Một là** xây dựng các chính sách bán hàng linh động hơn, đa dạng hơn ... đồng thời tăng cường công tác thị trường để tiếp cận một cách có hiệu quả với nhóm khách hàng tiềm năng này;

- Hai là tiến hành rà soát lại toàn bộ chi phí sản xuất, định mức sử dụng nguyên vật liệu, giá nguyên liệu đầu vào ... để giảm giá thành, tạo lợi thế cạnh tranh.

► **Các chỉ tiêu cụ thể như sau:**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2017	TH 2017	KH 2018	So sánh	
						TH 2017/ KH 2017	KH 2018/ TH 2017
1	Sản lượng gạch TP SX	1.000 v	17.900	23.671	25.000	132%	106%
2	Sử dụng nội bộ:	1.000 v	12.200	20.530	21.000	168%	102%
3	Sản lượng KD bán ra	1.000 v	5.700	3.141	4.000	55%	127%
4	Doanh thu	1.000 đ	425.000	410.845	500.000	97%	122%
5	Chi phí	1.000 đ	425.000	406.116	480.000	96%	118%
6	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ		4.729	20.000		423%

HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI HÀNG HÓA

Chức năng chủ yếu của hoạt động này là hỗ trợ cho các hoạt động kinh doanh, sản xuất và thi công xây dựng, do vậy đơn vị không chú trọng đến kế hoạch lợi nhuận do một phần hiệu quả đã chuyển qua các lĩnh vực khác, một phần giá cước vận chuyển được tính trên cơ sở đủ bù chi phí lương nhân viên lái xe, chi phí sửa chữa - bảo dưỡng, chi phí khác có liên quan ... nhằm tạo lợi thế kinh doanh bán hàng và tham gia đấu thầu công trình.

Công tác kiểm tra, tuyên truyền ý thức trách nhiệm đối với người điều khiển phương tiện trong việc chấp hành các nội quy, qui định của Nhà nước, của đơn vị phải được thực hiện thường xuyên; Các qui trình bảo dưỡng, vận hành phương tiện phải được thực hiện nghiêm chỉnh nhằm đảm bảo các phương tiện luôn được bảo quản tốt, luôn trong tình trạng sẵn sàng hoạt động, không để xảy ra các hư hỏng do lỗi chủ quan của tài xế.

Công tác điều động phương tiện giao nhận hàng phải được phối hợp nhịp nhàng từ khâu tiếp nhận đơn hàng, đặt hàng, điều động phương tiện, giao nhận... nhất là các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện phải được từng khâu giải quyết trong phạm vi, chức trách được giao và phải kịp thời báo cáo xin ý kiến giải quyết nếu vượt thẩm quyền.

► **Các chỉ tiêu cụ thể như sau:**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2017	TH 2017	KH 2018	So sánh	
						TH 2017/ KH 2017	KH 2018/ TH 2017
1	Doanh thu	1.000 đ	1.884.000	1.998.812	1.500.000	106%	75%
2	Chi phí	1.000 đ	1.884.000	1.998.812	1.480.000	106%	74%
3	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ			20.000		

Bên cạnh đó, các chỉ tiêu lao động và tiền lương như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2017	KH 2018	KH2018/ TH2017
1	Lao động	Người	125	125	100%
2	Thu nhập BQ/người/tháng	1.000đ	5.400	5.800	107%
3	Tổng quỹ lương, thưởng	1.000đ	8.106.000	8.748.000	108%

CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Để đạt được mục tiêu trên thì năm 2018 đơn vị sẽ tiến hành thực hiện 4 giải pháp:

Một là rà soát các lĩnh vực hoạt động: Tiến hành điều tra nghiên cứu thị trường, phân tích, đánh giá khả năng tăng trưởng, hiệu quả phát triển bền vững, phù hợp với định hướng phát triển của Nhà nước, đáp ứng được nhu cầu của thị trường ... theo đó thì lĩnh vực, mặt hàng nào không hiệu quả thì thu hẹp hoặc chấm dứt hoạt động. Song song đó là sắp xếp, tinh gọn lại bộ máy tổ chức cho phù hợp với tình hình mới; chú trọng bố trí theo hướng nhân sự được phân công nhiệm vụ phải có năng lực, trình độ chuyên môn, ý thức trách nhiệm với công việc, có tinh thần cầu tiến ... và quan trọng nhất là phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.

Hai là tăng năng lực cạnh tranh: Đơn vị nhận thấy, đây là động lực cho sự phát triển, thúc đẩy đơn vị tìm ra những biện pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và quyết định vị trí của doanh nghiệp trên thị trường thông qua thị phần của doanh nghiệp so với đối thủ cạnh tranh. Do vậy, để nâng cao năng lực cạnh tranh trong tình hình như hiện nay thì có rất nhiều việc phải làm, trong đó có một số nội dung sau:

- **Đổi mới cơ cấu tổ chức quản lý:** Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận; có sự phân biệt tương đối về tính chất, công việc của các bộ phận, tránh sự chồng chéo, tạo điều kiện cho người lao động tập trung đầu tư chuyên sâu và đảm bảo sự hoạt động của các bộ phận đúng chức năng, nhiệm vụ và có sự phối hợp nhịp nhàng.
- **Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:** Tiến hành sắp xếp, bố trí hợp lý đội ngũ nhân sự. Chú trọng phát hiện người có năng lực để bố trí vào những công việc phù hợp với ngành nghề, trình độ và năng lực sở trường. Bổ sung những nhân sự đủ tiêu chuẩn, có triển vọng phát triển, đồng thời thay thế những nhân sự không đủ năng lực, không đủ tiêu chuẩn. Song song đó là tiêu chuẩn hóa các chức danh, nhiệm vụ để phù hợp và đáp ứng được yêu cầu phát triển trong từng thời kỳ. Áp dụng cơ chế bổ sung và đào thải nhân lực để duy trì đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên giỏi chuyên môn nghiệp vụ nhằm đáp ứng các yêu cầu của đơn vị.
- **Tăng cường hoạt động marketing:** Tăng cường công tác nghiên cứu thị trường, hoàn thiện chiến lược SXKD, chiến lược phân phối và tổ chức lại mạng lưới bán hàng. Chú trọng công tác nắm bắt thông tin thị trường, kết hợp chia sẻ thông tin với các đối tác chiến lược để thực hiện tốt hơn công tác dự báo về các biến động của thị trường.
- **Giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm:** Kích thích khả năng sáng tạo, phát huy trí tuệ của từng cá nhân và tập thể nhằm tìm cách tối thiểu hóa chi phí sản xuất, đặc biệt là chi phí nguyên liệu, chi phí quản lý. Ngoài ra, từng thành viên trong đơn vị cần tự giác nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ tay nghề; đẩy mạnh việc đầu tư và thay thế một số loại phương tiện, thiết bị ...cho năng suất thấp, hoạt động không hiệu quả.
- **Xây dựng và phát triển thương hiệu:** Để xây dựng một thương hiệu được khách hàng tin cậy thì cần phải hiểu rõ nhu cầu, thị hiếu và đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng, luôn lấy sự hài lòng của khách hàng làm trọng tâm cho mọi hoạt động.

Ba là xây dựng chính sách trả lương theo năng suất lao động: Nhằm để người lao động an tâm công tác, tập trung phát huy năng lực, tích cực hoàn thành nhiệm vụ được giao và cũng để các kế hoạch SXKD, các chính sách hàng mang lại hiệu quả thì đơn vị sẽ tiến hành xây dựng phương án trả lương mới theo hướng làm theo năng lực, hưởng theo năng suất, cụ thể:

- Lương khoán, thưởng cho các bộ phận trực tiếp sản xuất, bán hàng để các kế hoạch sản xuất, bán hàng, thu hồi công nợ .. được đảm bảo thực hiện đúng và đầy đủ theo chủ trương của đơn vị đưa ra;
- Trả lương thời gian kèm theo đánh giá năng lực, khả năng hoàn thành của bộ phận gián tiếp, bộ nghiệp vụ ... để nâng cao tinh thần trách nhiệm, tiền độ hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Việc điều chỉnh phương án trả lương mới này ngoài việc đảm bảo quyền lợi, lợi ích chính đáng của người lao động mà còn đảm bảo cho các chủ trương, chính sách bán hàng, các kế hoạch SXKD của đơn vị được thực thi một cách tốt nhất.

Bốn là nâng cao hiệu quả sử dụng vốn: Để đạt được mục tiêu tăng trưởng và tối đa hoá lợi nhuận thì việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn phải được xem là nhiệm vụ then chốt. Cụ thể:

- Xây dựng cơ chế quản lý, sử dụng vốn trong SXKD, kiểm tra, đẩy mạnh thu hồi công nợ một cách thường xuyên. Tuân thủ nghiêm túc quy tắc quản lý tài chính, xây dựng biện pháp tăng nhanh vòng quay của vốn lưu động.
- Khai thác nguồn lực vốn một cách có hiệu quả, không để vốn nhàn rỗi, lãng phí, sử dụng vốn đúng mục đích, tiết kiệm ... do vậy khi đầu tư sẽ có sự cân nhắc, tính toán để xác định đúng thời điểm, quy mô, lộ trình sử dụng vốn để đem lại hiệu quả cao nhất với chi phí thấp nhất.
- Các chiến lược sản xuất kinh doanh, kế hoạch quản lý phân bổ sử dụng vốn sẽ được thực hiện một cách hợp lý theo từng thời điểm và từng lĩnh vực hoạt động.
- Đây là những yếu tố có ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp liên quan đến vấn đề bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp ,thực hiện được những yêu cầu trên tức là doanh nghiệp đã tìm ra một nửa trong số các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Đồng thời Công ty sẽ tiếp tục công tác quản lý doanh nghiệp theo tiêu chuẩn hệ thống ISO 9001:2015 nhằm mục đích nâng cao chất lượng quản lý doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh nhất là cải tiến cung cách phục vụ, chăm sóc khách hàng hướng đến sự hài lòng, thỏa mãn của khách hàng đối với các sản phẩm và dịch vụ mà Công ty cung cấp; Đồng thời còn phục vụ công tác quản lý một cách khoa học, hiệu quả và mở ra nhiều cơ hội mới giúp Công ty phát triển bền vững.





Công ty cam kết triển khai và thực hiện công tác bảo vệ môi trường, tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường đối với tất cả các bộ công nhân viên trong quá trình làm việc tại Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng bảo đảm đào tạo chuyên ngành, chăm lo sức khỏe và khuyến khích nhân viên làm việc, phản hồi và chia sẻ nguyện vọng hay đóng góp các ý kiến đổi mới; đảm bảo việc làm và duy trì ổn định mức thu nhập trong tình hình kinh tế khó khăn hiện nay. Mỗi năm, VXB đều tổ chức đi nghỉ dưỡng cho CB CNV và tổ chức tour đi tham quan cho các cháu thiếu nhi con CBCNV cty nhân dịp 1/6....

Ngoài ra, Ban lãnh đạo Công ty trích quỹ và vận động cán bộ công nhân viên đóng góp vào quỹ địa phương, giúp đỡ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn; tổ chức các đợt công tác xã hội; ủng hộ giúp đỡ người dân vùng đồng bào miền Trung khắc phục hậu quả lũ lụt, xây nhà tình nghĩa, cầu đường, giao thông nông thôn, nuôi dưỡng mẹ VNAH, hỗ trợ người nghèo tỉnh Bến Tre đi vùng kinh tế mới, ủng hộ quỹ khuyến học, ...

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Các công tác giám sát và xử lý chất thải được Công ty quan tâm và áp dụng phòng chống và xử lý kịp thời. Trong năm Công ty không có trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Về các mặt hoạt động của Công ty
- Về hoạt động của Ban Giám đốc
- Các kế hoạch, định hướng của HĐQT



VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trước những khó khăn trong năm 2017, nhất là từ sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cả trong và ngoài nước trước bối cảnh hội nhập kinh tế và những khó khăn như biến động giá cả nguyên vật liệu trong năm, bất lợi về thời tiết, lãi suất vay nợ hay các khó khăn trong việc quyết toán thi công, giải ngân vốn công trình chậm... đã tác động rất lớn đến kết quả hoạt động của Công ty.

Tuy vậy, trong năm qua, HĐQT và BGĐ Công ty đã tập trung và phát huy mọi nguồn lực để hoạt động theo đúng định hướng, mục tiêu và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2017 đề ra. Tuy kết quả sản xuất kinh doanh không đạt như kỳ vọng nhưng đơn vị đã thực hiện đúng mục tiêu, định hướng phát triển; kinh doanh có lãi; đảm bảo lợi ích của các cổ đông; giải quyết việc làm và đảm bảo cuộc sống cho người lao động; nộp thuế và hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của Nhà nước; thực hiện tốt công tác đoàn thể và tham gia tốt các phong trào, chính sách do địa phương phát động.

Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm và theo dõi sát tình hình từ công tác nội bộ đến công tác đối ngoại, đồng thời, chỉ đạo và giải quyết hợp lý trong từng trường hợp, từng thời điểm.

Các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bến Tre như Chính sách cắt giảm đầu tư công, Chính sách thuế, Phí và lệ phí khai thác khoáng sản; Quy trình kiểm tra chất lượng thi công được Công ty đảm bảo thực hiện với những cố gắng cao nhất, phù hợp với năng lực của VXB.

VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm 2017, trước những khó khăn, thách thức đối với Công ty, Ban Giám đốc cùng toàn thể cán bộ nhân viên Công ty đã nỗ lực hết sức để hoạt động sản xuất, kinh doanh, linh hoạt trước những diễn biến thị trường.

Ban Giám đốc đã nhanh chóng cập nhật các chính sách phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh, tình hình nhu cầu - xu hướng của thị trường, các chính sách bán hàng ... để kịp thời sàng lọc, phân tích và đánh giá và đưa ra các kế hoạch ngắn, trung và dài hạn, đồng thời lãnh đạo tập thể cán bộ công nhân viên thực hiện kế hoạch kinh doanh đã đặt ra.

Nhìn chung trong năm vừa qua, dù gặp nhiều khó khăn nhưng BGĐ Công ty đã thực hiện tốt chủ trương của HĐQT, chỉ đạo thực hiện đúng với chức năng cũng như nhạy bén trong các quyết định kinh doanh, hỗ trợ và tháo gỡ kịp thời các vấn đề ảnh hưởng đến quá trình hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2018, tình hình thị trường trong nước được dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, có chiều hướng tăng trưởng cao hơn năm 2017 nhưng không đồng đều và còn nhiều rủi ro; Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 tác động trên nhiều phương diện, vừa là cơ hội nhưng cũng vừa là thách thức. Mục tiêu chung là tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô, tạo chuyển biến rõ nét, thực chất trong thực hiện các đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; khuyến khích đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp, tăng trưởng kinh tế.

Ở địa phương thì Bến Tre đề ra mục tiêu năm 2018 tiếp tục nâng cao chất lượng tăng trưởng, cải thiện năng suất lao động và khả năng hội nhập của nền kinh tế; thúc đẩy tăng trưởng kinh tế với tinh thần của năm “tăng tốc”, tạo đột phá trong huy động các nguồn lực đầu tư; tập trung triển khai các dự án trọng điểm; phát triển nhanh, bền vững; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh ...

Từ những thành tựu đột phá trong năm 2017 và điều kiện, thời cơ mới năm 2018, Bến Tre tiếp tục kỳ vọng cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, gia tăng mạnh ở khu vực II (công nghiệp và xây dựng) và III (dịch vụ), giảm tỷ trọng của khu vực I (nông - lâm - thủy sản) để năm 2018 thực sự là năm “tăng tốc”.

Trên cơ sở định hướng phát triển chung của tỉnh, HĐQT và BGĐ Công ty xác định phương hướng hoạt động SXKD theo tinh thần thận trọng và chắc chắn; phát huy những thành quả đạt được và phân tích, đánh giá những tồn tại, hạn chế trong năm qua để tập trung thực hiện hoàn thành kế hoạch năm 2018.

Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2018 cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2017	Kế hoạch năm 2018	KH 2018/ TH 2017
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	212.595	225.000	106%
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	6.391	6.600	103%
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	5.112	5.280	103%



ĐIỂM MẠNH

- Là thương hiệu có uy tín trên thị trường Bến Tre trong lĩnh vực kinh doanh - sản xuất VLXD, thi công xây dựng - san lấp mặt bằng.
- Nguồn lực tài chính đảm bảo yêu cầu sản xuất kinh doanh và phát triển bền vững.
- Có đầy đủ hệ thống kho tàng, bến bãi, phương tiện vận tải, thiết bị thi công.
- Lực lượng nhân sự ổn định, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cao và gắn bó chặt chẽ với đơn vị; đội ngũ kỹ sư trong lĩnh vực xây dựng có đủ các chuyên ngành và có đủ nhân sự cùng lúc đảm nhận cùng lúc nhiều công trình lớn.
- Hệ thống các cửa hàng đại lý và đối tác rộng khắp trên địa bàn toàn tỉnh.

ĐIỂM YẾU

- Các chính sách bán hàng, mở rộng thị trường, thị phần ... chưa linh động, chưa theo sát tình hình thị trường. Còn hạn chế trong công tác tham mưu, đề xuất chính sách bán hàng, khuyến mãi ... khâu chăm sóc hậu mãi bán hàng chưa được các bộ phận thực hiện một cách nghiêm túc, đầy đủ. Chưa thực hiện tốt công tác tham mưu các chiến lược phát triển, nâng tầm đơn vị.
- Công tác bán hàng, theo dõi thu hồi công nợ hàng bán, thi công xây dựng chưa được các bộ phận thực hiện đúng và đầy đủ theo chính sách, kế hoạch đề ra.
- Công tác phối hợp giữa các bộ phận trong khâu xác định nhu cầu tài chính, thị trường, nhập xuất hàng hóa, điều động phương tiện ... đôi lúc chưa đồng bộ làm ảnh hưởng đến kế hoạch chung của Công ty.
- Hệ thống chính sách lương, thưởng đối với người lao động chưa phát huy hết tính tích cực, tính sáng tạo, tính năng động ... chưa kích thích tăng năng suất, tinh thần lao động. Còn một bộ phận người lao động chưa phát huy tốt nhất năng suất làm việc khi đơn vị tiến hành tái cơ cấu, áp dụng phương thức kinh doanh mới, cách làm việc mới;



CƠ HỘI

- Theo Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND, ngày 05/12/2017 của HĐND tỉnh Bến Tre về phát triển kinh tế xã hội, năm 2018 được xác định là năm “tăng tốc” với sự tập trung cao để tạo sức tiến công vượt bậc; đồng bộ các giải pháp mở rộng tín dụng trên địa bàn, tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng trong tiếp cận nguồn vốn, đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất, kinh doanh để thực hiện mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Cụ thể:
 - ❶ Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển công nghiệp tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016-2020. Triển khai đồng bộ các chính sách ưu đãi đầu tư phát triển công nghiệp; tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư, tiến hành giải phóng mặt bằng và đầu tư hạ tầng KCN Phú Thuận; thu hút đầu tư hạ tầng các khu, cụm công nghiệp theo quy hoạch. Đôn đốc và hỗ trợ các chủ đầu tư sớm triển khai các dự án đã được cấp phép. Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các thành phần kinh tế để phát triển sản xuất kinh doanh ổn định, hiệu quả.
 - ❷ Huy động các nguồn vốn phục vụ đầu tư phát triển, tập trung thu hút các nhà đầu tư chiến lược, ưu tiên các dự án có quy mô lớn, giá trị gia tăng cao ... tập trung tháo gỡ các vướng mắc về hồ sơ thủ tục đầu tư và giải phóng mặt bằng; quản lý chặt chẽ công tác đấu thầu, tiến độ và chất lượng công trình.
 - ❸ Quản lý chặt chẽ và khai thác hiệu quả nguồn cát sông.
 - ❹ Tổ chức triển khai thực hiện liên kết phát triển kinh tế - xã hội với các tỉnh, thành phố theo chương trình đề ra ... nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của từng địa phương trên các lĩnh vực.
- Sau thời gian nghiên cứu, tìm hiểu năng lực và khả năng cạnh tranh ... các nhà sản xuất đã chọn đơn vị làm nhà phân phối tại thị trường Bến Tre để phát triển thị phần của các nhóm hàng sơn, ống nhựa. Đây là điều kiện thuận lợi để đơn vị tăng doanh thu, tăng lợi nhuận qua việc mua hàng trực tiếp từ nhà sản xuất và phân phối cho thị trường (trước đây đơn vị phải mua hàng qua nhà phân phối khác nên gặp bất lợi về các chính sách bán hàng, chiết khấu, ưu đãi ... và không tạo ra lợi thế cạnh tranh đáng kể trên thị trường).
- Là khách hàng thường xuyên giao dịch với các tổ chức tín dụng nên khi cần bổ sung nguồn vốn vay thì đơn vị có lợi thế về mức lãi suất áp dụng (thấp hơn mức lãi suất bình quân chung của thị trường). Đây là điều kiện thuận lợi để đơn vị triển khai thực hiện các dự án trong năm 2018.



NGUY CƠ

- Chính sách bán hàng trả chậm dễ dẫn đến tình trạng bị chiếm dụng vốn và làm chậm khả năng quay vòng vốn kinh doanh.
- Các nhà sản xuất vì mục tiêu chiếm lĩnh thị trường, gia tăng thị phần sẽ gây áp lực với đơn vị nhằm tăng sản lượng tiêu thụ ... trong khi vẫn áp dụng các chính sách này với các nhà phân phối khác, việc này dẫn đến tình trạng cạnh tranh gay gắt, ngày càng khốc liệt và thiếu lành mạnh giữa các nhà phân phối khác với đơn vị trên thị trường Bến Tre.
- Việc chia nhóm, hạng doanh nghiệp, kiểm soát chặt chẽ hơn các tiêu chí trong tham hồ sơ dự thầu ngoài những tác dụng tích cực còn phát sinh vấn đề tiêu cực và tạo ra sự cạnh tranh không lành mạnh trong đấu thầu.

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội Đồng Quản Trị
- Ban Kiểm Soát
- Thù lao và các giao dịch



DANH SÁCH THÀNH VIÊN HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Phan Quốc Thông	Chủ tịch HĐQT kiêm GD	755.896	18,67%
2	Nguyễn Thanh Huy	Thành viên HĐQT kiêm Phó GD	556.984	13,76%
3	Mai Thị Thanh Thủy	Thành viên	769.311	19,00%
4	Phan Trọng Tài	Thành viên	135.348	3,34%
5	Lê Đình Nhiên	Thành viên	57.937	1,43%

LÝ LỊCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Phan Quốc Thông – Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc (xem phần lý lịch Ban Giám đốc)

Ông Nguyễn Thanh Huy – Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc (xem phần lý lịch Ban Giám đốc)

Bà Mai Thị Thanh Thủy – Thành viên HĐQT

Năm sinh	21/07/1981
Nơi sinh	Hải Phòng
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Kinh doanh quốc tế
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	-
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	769.311

Ông Phan Trọng Tài – Thành viên HĐQT

Năm sinh	1959
Nơi sinh	Long An
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	135.348
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	-

Ông Lê Đình Nhiên – Thành viên HĐQT

Năm sinh	1962
Nơi sinh	Thanh Hóa
Trình độ chuyên môn	-
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	57.937
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	-

CÁC BUỔI HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ (%)	Lý do không tham dự họp
1	Phan Quốc Thông	Chủ tịch	01/09//2004	04	100	
2	Nguyễn Thanh Huy	Thành viên	01/01/2013	04	100	
3	Mai Thị Thanh Thủy	Thành viên	01/01/2013	04	100	
4	Phan Trọng Tài	Thành viên	29/04/2010	04	100	
5	Lê Đình Nhiên	Thành viên	01/09//2004	04	100	

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
1	01/2017/NQ-HĐQT	11/04/2017	- Thông qua tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2017
2	02/2017/NQ-HĐQT	22/08/2017	- Thông qua kết quả SXKD 6 tháng đầu năm và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2017 - Thông qua việc xây dựng hạng mục Trạm xử lý nước thải thuộc Dự án ĐTXD KTĐC Mỹ Thạnh An - Thông qua việc chấm dứt Đầu tư dự án ĐTXD Khu nhà ở công nhân, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre - Thông qua kế hoạch Đơn giá tiền lương năm 2017
3	03/2017/NQ-HĐQT	22/12/2017	- HĐQT thống nhất thông qua việc ủy quyền Giám đốc Công ty ký hợp đồng vay vốn Dự án ĐTXD KTĐC Phú Tân - gđ1
4	04/2017/NQ-HĐQT	31/12/2017	- Thù lao HĐQT và BKS 2017

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Không.

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Võ Bá Trắc	Trưởng Ban	9.800	0,24%
2	Huỳnh Hữu Phúc	Thành viên	14.370	0,35%
3	Lê Xuân Lâm	Thành viên	28.968	0,72%

LÝ LỊCH CỦA CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ông Võ Bá Trắc - Trưởng BKS	
Năm sinh	1963
Nơi sinh	Bến Tre
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính - Kế toán
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	9.800
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	-

Ông Huỳnh Hữu Phúc - Thành viên BKS	
Năm sinh	27/09/1972
Nơi sinh	Bến Tre
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	14.370
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	-

Ông Lê Xuân Lâm - Thành viên BKS	
Năm sinh	01/10/1948
Nơi sinh	Bến Tre
Trình độ chuyên môn	Sỹ quan lục quân Công an
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	28.968
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	-



CÁC BUỔI HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
1	Võ Bá Trắc	Trưởng Ban	01/01/2013	04	100%	
2	Huỳnh Hữu Phúc	Thành viên	01/09/2004	04	100%	
3	Lê Xuân Lâm	Thành viên	01/09/2004	04	100%	

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Trong năm 2017, BKS đã làm đúng chức năng, nhiệm vụ của mình, thường xuyên kiểm tra và giám sát công tác quản lý điều hành của HĐQT và BGĐ công ty, giám sát các hoạt động SXKD của công ty, kiểm tra báo cáo tài chính... BKS không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động SXKD của công ty, cũng như không nhận bất cứ ý kiến khiếu nại nào của cổ đông.
- BKS luôn phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban ĐĐ trong công tác quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, kịp thời chỉ đạo BGĐ duy trì tình hình tài chính lành mạnh, nhằm phát huy tối đa hiệu quả đồng vốn đầu tư của các cổ đông.



THÙ LAO VÀ CÁC GIAO DỊCH

THÙ LAO, LƯƠNG, THƯỞNG

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao/năm (đồng)	Lương/thưởng (đồng)
1	Phan Quốc Thông	Chủ tịch HĐQT kiêm GĐ	21.119.184	240.408.000
2	Nguyễn Thanh Huy	Thành viên HĐQT kiêm PGĐ	15.839.388	144.244.800
3	Mai Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT	15.839.388	-
4	Phan Trọng Tài	Thành viên HĐQT	15.839.388	-
5	Lê Đình Nhiên	Thành viên HĐQT	15.839.388	-
6	Võ Bá Trắc	Trưởng BKS	15.839.388	-
7	Huỳnh Hữu Phúc	Thành viên BKS	10.599.592	-
8	Lê Xuân Lâm	Thành viên BKS	10.599.592	-
9	Nguyễn Hoài Yên	PGĐ	-	144.244.800
10	Lê Quốc Cường	PGĐ	-	144.244.800
11	Phan Tấn Mỹ	Kế toán trưởng	-	120.204.000

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Không.

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Không.



06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 26 tháng 3 năm 2018 (từ trang 07 đến trang 34) của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre (sau đây gọi tắt là “Công ty”).

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết, để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre được lập phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2018.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - VIETVALUES



Ths. Đào Vũ Thiên Long – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán số 1739-2018-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Ths. Nguyễn Thị Cẩm Hồng - Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán số 2849-2014-071-1

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thanh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		130.801.492.938	143.798.593.360
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	8.610.038.734	8.661.217.172
111	1. Tiền		8.610.038.734	8.661.217.172
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		97.905.357.077	118.536.655.131
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	75.603.934.919	107.275.451.368
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	1.078.022.431	1.196.338.942
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4a	21.865.451.357	10.569.885.381
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.5	(642.051.630)	(505.020.560)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	24.286.097.127	16.600.721.057
141	1. Hàng tồn kho		24.286.097.127	16.600.721.057
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155	5. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		56.537.385.866	50.036.575.862
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.706.583.432	1.602.886.308
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.4b	2.706.583.432	1.602.886.308
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	-
220	II. Tài sản cố định		15.786.990.420	15.961.477.367
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	14.951.195.817	15.125.682.764
222	- Nguyên giá		30.417.255.939	29.396.962.456
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(15.466.060.122)	(14.271.279.692)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	835.794.603	835.794.603
228	- Nguyên giá		835.794.603	835.794.603
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
230	III. Bất động sản đầu tư	V.10	13.848.002.964	13.848.002.964
231	- Nguyên giá		13.848.002.964	13.848.002.964
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		20.616.348.731	12.705.301.333
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	V.11	17.807.680.031	12.023.671.015
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.12	2.808.668.700	681.630.318
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.579.460.319	5.918.907.890
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7	3.579.460.319	5.918.907.890
268	2. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		187.338.878.804	193.835.169.222

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		124.037.030.964	128.944.373.978
310	I. Nợ ngắn hạn		121.022.230.964	126.750.573.978
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	18.133.325.190	18.264.210.534
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.14	7.175.083.562	16.948.752.454
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	1.718.669.410	3.077.478.234
314	4. Phải trả người lao động	V.16	1.032.160.758	1.340.310.182
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	3.837.263.950	4.537.263.950
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.18	1.213.945.552	8.190.981.945
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.19a	87.709.881.420	74.332.058.599
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.20	201.901.122	59.518.080
330	II. Nợ dài hạn		3.014.800.000	2.193.800.000
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.19b	3.014.800.000	2.193.800.000
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		63.301.847.840	64.890.795.244
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.21	63.301.847.840	64.890.795.244
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		40.490.060.000	40.490.060.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		40.490.060.000	40.490.060.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		4.067.762.000	4.067.762.000
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		14.152.369.189	14.152.369.189
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.591.656.651	6.180.604.055
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		19.346.555	99.442.786
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		4.572.310.096	6.081.161.269
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		187.338.878.804	193.835.169.222

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ KIM THI

Kế toán trưởng



PHAN TẤN MỸ

Bến Tre, ngày 26 tháng 3 năm 2018.

Giám đốc



PHAN QUỐC THÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

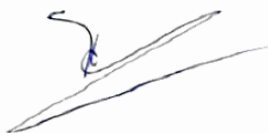
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	208.427.532.855	213.587.995.243
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		208.427.532.855	213.587.995.243
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	186.177.881.755	192.458.003.145
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		22.249.651.100	21.129.992.098
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	16.963.878	43.067.981
22	7. Chi phí tài chính		6.836.039.806	6.080.934.783
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		6.836.039.806	6.080.934.783
25	8. Chi phí bán hàng	VI.4	3.910.851.610	4.557.743.985
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	9.049.209.246	7.245.873.493
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.470.514.316	3.288.507.818
31	11. Thu nhập khác	VI.6	4.150.368.574	4.633.931.794
32	12. Chi phí khác		229.533.472	41.734.721
40	13. Lợi nhuận khác		3.920.835.102	4.592.197.073
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.391.349.418	7.880.704.891
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.7	1.279.330.080	1.584.487.922
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		5.112.019.338	6.296.216.969
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.8a	858	1.216
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.8b	858	1.216

Bến Tre, ngày 26 tháng 3 năm 2018.

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ KIM THI

Kế toán trưởng



PHAN TÂN MỸ



PHAN QUỐC THÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

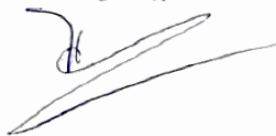
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

DVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		242.662.592.146	243.227.346.868
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(152.366.873.403)	(158.030.372.622)
03	3. Tiền trả cho người lao động		(7.151.733.001)	(7.048.441.300)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(6.836.039.806)	(6.080.934.783)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.098.087.601)	(2.067.068.689)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		323.754.000	12.078.208.404
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(80.768.437.430)	(76.945.868.765)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(5.234.825.095)	5.132.869.113
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(5.397.705.736)	(124.419.200)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.300.000.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		16.651.054	15.207.989
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(4.081.054.682)	(109.211.211)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		127.559.544.746	122.733.209.320
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(113.360.721.925)	(121.824.615.250)
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(4.934.121.482)	(4.736.872.680)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		9.264.701.339	(3.828.278.610)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		(51.178.438)	1.195.379.292
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		8.661.217.172	7.465.837.880
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	V.1	8.610.038.734	8.661.217.172

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ KIM THI

Kế toán trưởng



PHAN TẤN MỸ

Bến Tre, ngày 26 tháng 3 năm 2018.
Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬT LIỆU XÂY DỰNG
BẾN TRE
TP. BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE



PHAN QUỐC THÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre được (sau đây gọi tắt là “Công ty”) Là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất – Thương mại – Xây dựng – Kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Kinh doanh vật liệu xây dựng, khai thác cát, san lấp mặt bằng, vận tải hàng hóa, xây dựng cơ sở hạ tầng và kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, có chu kỳ kinh doanh trên 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong năm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 126 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 126 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo này được lập năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng: chứng từ ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý Công ty.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 20 năm
Máy móc và thiết bị	04 – 08 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 15 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 04 năm
Tài sản cố định khác	06 năm

8. Tài sản cố định vô hình***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

12. Vốn chủ sở hữu***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập Công ty được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm chủ yếu là bán xi măng, đá, sỏi

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu Bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	945.793.715	1.266.965.460
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.664.245.019	7.394.251.712
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u>8.610.038.734</u>	<u>8.661.217.172</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	75.603.934.919	107.275.451.368
Công An tỉnh Bến Tre- Phòng Hậu Cần	19.629.938.145	21.049.261.349
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Giồng Trôm	6.307.140.000	5.307.273.512
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng khu vực Thạnh Phú	4.633.356.787	6.866.447.056
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Châu Thành	3.508.087.764	494.698.117
Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng khu vực thành phố Bến Tre	2.905.761.289	25.451.044.599
Các khách hàng khác	38.619.650.934	48.106.726.735
Cộng	<u>75.603.934.919</u>	<u>107.275.451.368</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước tổ chức nhà cung cấp khác</i>	1.078.022.431	1.196.338.942
Công ty TNHH MTV Tấn Thiện	582.687.564	-
Công ty TNHH Tổ chức Sự kiện Du lịch Nam Mekong	200.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	295.334.867	1.196.338.942
Cộng	1.078.022.431	1.196.338.942

4. Phải thu khác

4a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	21.865.451.357	-	10.569.885.381	-
Lê Hoàng Dũng- Đội xây dựng số 4	8.211.331.437	-	1.139.041.352	-
Lê Văn Trung- Đội xây dựng 6	6.114.231.276	-	-	-
Lê Hoàng Thanh- Đội xây dựng số 1	2.751.384.838	-	3.226.257.913	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.788.503.806	-	6.204.586.116	-
Cộng	21.865.451.357	-	10.569.885.381	-

4b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường cát.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Quá hạn từ 06 tháng – 01 năm	-	-	-	-
Quá hạn từ 01 năm – 02 năm	-	-	-	-
Quá hạn từ 02 năm – 03 năm	-	-	-	-
Quá hạn trên 03 năm	642.051.630	-	505.020.560	-
<i>Công ty TNHH XD Đại Gia Phú</i>	<i>183.835.590</i>	-	<i>183.835.590</i>	-
<i>Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí</i>	<i>69.854.670</i>	-	<i>69.854.670</i>	-
<i>Nguyễn Văn Phong</i>	<i>145.071.100</i>	-	<i>145.071.100</i>	-
<i>Nguyễn Thị Thủy</i>	<i>65.894.380</i>	-	<i>65.894.380</i>	-
<i>Nguyễn Văn Mến</i>	<i>60.914.570</i>	-	-	-
<i>Các khách hàng khác</i>	<i>116.481.320</i>	-	<i>40.364.820</i>	-
	642.051.630	-	505.020.560	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(505.020.560)	-	(505.020.560)
Trích lập dự phòng bổ sung	(137.031.070)	-	(137.031.070)
Tăng khác	-	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-	-
Số cuối năm	(642.051.630)	-	(642.051.630)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.431.520.111	-	1.312.389.726	-
Công cụ, dụng cụ	11.753.868	-	10.912.669	-
Chi phí SXKD dở dang	15.776.248.462	-	10.216.921.361	-
Thành phẩm	584.695.539	-	550.502.597	-
Hàng hóa	6.481.879.147	-	4.509.994.704	-
Cộng	24.286.097.127	-	16.600.721.057	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chi phí sản xuất dở dang chủ yếu là chi phí xây dựng các khu tái định cư	Số cuối năm	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Khu tái định cư Mỹ Thạnh An	5.355.087.504	6.566.928.434
Trường THCS An Ngãi Trung	2.288.037.490	-
Trại giam Công an tỉnh	1.764.347.769	813.120.920
Trường THPT Huỳnh Tấn Phát	1.351.233.269	451.613.624
Trường THCS Phan Văn Trị	1.087.931.059	307.568.583
Các công trình khác	3.929.611.371	2.077.689.800
Cộng	15.776.248.462	10.216.921.361

Hàng tồn kho của Công ty đã được thế chấp làm tài sản đảm bảo vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam -CN Bến Tre (xem Thuyết minh V.19).

7. Chi phí trả trước dài hạn

Chủ yếu là chi phí thăm dò khai thác cát và chi phí sửa chữa tài sản cố định được phân bổ vào chi phí không quá 36 tháng

Chi tiết:	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.918.907.890	1.247.768.034
Tăng trong năm	2.300.211.660	8.067.630.328
Phân bổ trong năm	(4.639.659.231)	(3.396.490.472)
Số cuối năm	3.579.460.319	5.918.907.890

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	7.662.022.661	2.679.782.320	18.548.391.593	191.702.728	315.063.154	29.396.962.456
Mua trong năm	-	1.655.727.273	1.590.636.818	30.000.000	-	3.276.364.091
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	8.680.000	232.684.341	-	-	241.364.341
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.497.434.949)	-	-	(2.497.434.949)
Số cuối năm	7.662.022.661	4.344.189.593	17.874.277.803	221.702.728	315.063.154	30.417.255.939
<i>Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	<i>2.038.095.658</i>	<i>1.001.230.608</i>	<i>1.851.875.788</i>	<i>32.727.273</i>	<i>315.063.154</i>	<i>5.238.992.481</i>
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	3.204.425.558	2.010.308.201	8.640.524.161	100.958.618	315.063.154	14.271.279.692
Khấu hao trong năm	409.340.000	387.962.584	1.762.777.145	31.871.900	-	2.591.951.629
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.397.171.199)	-	-	(1.397.171.199)
Số cuối năm	3.613.765.558	2.398.270.785	9.006.130.107	132.830.518	315.063.154	15.466.060.122
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	4.457.597.103	669.474.119	9.907.867.432	90.744.110	-	15.125.682.764
Số cuối năm	4.048.257.103	1.945.918.808	8.868.147.696	88.872.210	-	14.951.195.817

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Trong đó: - Giá trị còn lại tài sản cố định được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với số tiền: 10.514.843.251 đồng (xem tại thuyết minh mục V.19)

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất ^(*)	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	835.794.603	835.794.603
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	835.794.603	835.794.603
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	-	-
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	-	-
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	835.794.603	835.794.603
Số cuối năm	835.794.603	835.794.603

^(*) Là Quyền sử dụng đất sử dụng lâu dài theo GCN quyền sử dụng đất số: CT 00905 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 26 tháng 06 năm 2012 tại số 12 đường Số 1, ấp An Thuận A, xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (đất này đang được sử dụng làm trụ sở hoạt động của Công ty). Quyền sử dụng đất này đã đư được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đông Á-CN Bến Tre (xem tại thuyết minh mục V.19).

10. Bất động sản đầu tư

10a. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

	Quyền sử dụng đất tại xã Mỹ Thạnh An	Quyền sử dụng đất tại xã Phú Nhuận	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	8.899.887.402	4.948.115.562	13.848.002.964
Mua mới	-	-	-
Số cuối năm	8.899.887.402	4.948.115.562	13.848.002.964
Tồn thất do suy giảm giá trị			
Số đầu năm	-	-	-
Tồn thất do giảm giá trị trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Chuyển sang hàng tồn kho	-	-	-
Số cuối năm	-	-	-
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	8.899.887.402	4.948.115.562	13.848.002.964
Số cuối năm	8.899.887.402	4.948.115.562	13.848.002.964

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

- Giá trị còn lại Bất động sản đầu tư được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Bến Tre với số tiền: 4.948.115.562 đồng (xem tại thuyết minh mục V.19)

- Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần được trình bày. Tuy nhiên, Hiện tại, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện thực hiện. Vì vậy, Công ty tạm lấy theo giá trị sổ sách.

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

Là chi phí dự án Khu tái định cư Phú Tân. Công ty đã trình Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre số 102/TTr-VLXD ngày 14 tháng 09 năm 2015 về việc xem xét phê duyệt chủ trương điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu tái định cư Phú Tân, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre.

Toàn bộ dự án này đã được thế chấp làm tài sản đảm bảo vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Bến Tre (xem Thuyết minh V.19)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào	Số cuối năm
			TSCĐ trong năm	
Mua sắm tài sản cố định	358.955.000	8.680.000	(8.680.000)	358.955.000
Xây dựng cơ bản	322.675.318	2.083.396.984	-	2.406.072.302
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	276.325.739	(232.684.341)	43.641.398
Cộng	681.630.318	2.368.402.723	(241.364.341)	2.808.668.700

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	18.133.325.190	18.264.210.534
Công ty TNHH Xây dựng Tuyệt Nghi	4.572.002.200	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	2.390.256.375	1.221.426.875
Công ty TNHH Hiệp Hòa Lợi	1.785.091.000	1.028.825.000
Công ty TNHH MTV TV XD CT Tuyệt Ngân	1.748.580.000	2.268.658.025
Công ty TNHH Xây dựng TM Trương Hoàng Phúc	1.477.260.986	-
Các nhà cung cấp khác	6.160.134.629	13.745.300.634
Cộng	18.133.325.190	18.264.210.534

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>7.175.083.562</i>	<i>16.948.752.454</i>
Ban QLDA ĐTXD các CT DD & CN tỉnh BT	3.547.104.546	6.916.316.000
Ban QLDA Mỏ Cây Nam	1.828.776.300	3.903.346.000
Nguyễn Trọng Luật	1.100.000.000	-
Các khách hàng khác	699.202.716	6.129.090.454
Cộng	<u>7.175.083.562</u>	<u>16.948.752.454</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số thực nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	2.534.689.210	6.648.812.524	(8.683.693.488)	-	499.808.246
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	362.370.474	1.279.330.080	(1.098.087.601)	-	543.612.953
Thuế thu nhập cá nhân	-	5.418.550	148.656.484	(150.578.134)	-	3.496.900
Thuế tài nguyên	-	75.000.000	4.713.717.525	(4.359.904.214)	-	428.813.311
Tiền thuế đất	-	-	317.031.193	(317.031.193)	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	100.000.000	4.635.254.000	(4.492.316.000)	-	242.938.000
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	(6.000.000)	-	-
	-	3.077.478.234	17.748.801.806	(19.107.610.630)	-	1.718.669.410

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình với mức thuế suất 11%.

Thuế nhà đất

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Thuế bảo vệ môi trường

Công ty phải nộp thuế bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác cát với mức phí phải nộp là 4.000 đồng/m³.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

16. Phải trả người lao động

Quỹ lương của Công ty được thực hiện tạm trích theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 01/2016/QĐ-HĐQT ngày 11 tháng 04 năm 2016. Cụ thể, Công ty đã tạm trích chi phí lương trong kỳ theo đơn giá tiền lương 500 đồng/1000 lợi nhuận trước thuế.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là khoản trích trước chi phí xây dựng nhà máy nước thải thuộc dự án Khu dân cư Mỹ Thạnh An.

18. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	1.213.945.552	8.190.981.945
Nguyễn Hoài Yến – Đội xây dựng số 2	752.315.872	3.586.382.412
Trần Trung Trực – Đội xây dựng số 5	238.239.766	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	223.389.914	4.604.599.533
Cộng	1.213.945.552	8.190.981.945

19. Vay và nợ thuê tài chính

19a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng				
<i>Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre ⁽¹⁾</i>	79.508.793.006	79.508.793.006	73.619.458.599	73.619.458.599
<i>Vay Ngân hàng TMCP Đông Á – CN Bến Tre ⁽²⁾</i>	7.488.488.414	7.488.488.414	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	712.600.000	712.600.000	712.600.000	712.600.000
Cộng	87.709.881.420	87.709.881.420	74.332.058.599	74.332.058.599

⁽¹⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre theo hợp đồng hạn mức số 01/2017/670816/HĐTD ngày 10 tháng 05 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 158 tỷ đồng, trong đó hạn mức vay ngắn hạn là 88 tỷ đồng, để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp, cầm cố tài sản, không bảo đảm một phần. Theo giá trị định giá của Ngân hàng như sau :

+ Tài sản cố định: 9.753.000.000 đồng.

+ Vật tư tồn kho bình quân: 36.000.000.000 đồng.

+ Giá trị quyền sử dụng đất tại Phú Nhuận theo định giá của Ngân hàng: 8.145.000.000 đồng. (xem thuyết minh số V.8 và thuyết minh V.10).

⁽²⁾ Vay Ngân hàng TMCP Đông Á – Chi nhánh Bến Tre theo hợp đồng tín dụng số H0003/HM/17 ngày 12 tháng 05 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 7,5 tỷ đồng, với thời hạn 12 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ, mục đích bổ sung vốn lưu động, tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BH943108 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 16/04/2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	74.332.058.599	73.662.864.529
Số tiền vay phát sinh	125.855.544.746	121.613.209.320
Kết chuyển từ vay dài hạn	712.600.000	712.600.000
Số tiền vay đã trả	(113.190.321.925)	(121.656.615.250)
Số cuối năm	87.709.881.420	74.332.058.599

19b. Vay dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng				
<i>Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre</i>	3.014.800.000	3.014.800.000	2.193.800.000	2.193.800.000
Cộng	3.014.800.000	3.014.800.000	2.193.800.000	2.193.800.000

Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre theo hợp vay số 01/2015/670816 ngày 26 tháng 10 năm 2015 và hợp đồng vay số 01/2016/670816/HDTD.

Mục đích vay: Đầu tư mua 3 xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu HINO phục vụ hoạt động kinh doanh.

Thời hạn vay: 05 năm

Lãi suất cho vay: lãi suất thả nổi được điều chỉnh theo định kỳ 2 lần/ 1 năm vào các ngày 1/5, 1/11 trên cơ sở số dư nợ vay và lãi suất cho vay hiện hành theo thông báo lãi suất của BIDV tại thời điểm điều chỉnh.

Tài sản thế chấp: Thế chấp tài sản hình thành trong tương lai là xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu HINO theo hợp đồng thế chấp TS số 01/2015/670816/HDBĐ ngày 26 tháng 10 năm 2015.

Chi tiết phát sinh các khoản vay dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.193.800.000	1.954.400.000
Số tiền vay phát sinh	1.704.000.000	1.120.000.000
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(712.600.000)	(712.600.000)
Số tiền vay đã trả	(170.400.000)	(168.000.000)
Số cuối năm	3.014.800.000	2.193.800.000

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Trích từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	-	135.000.000	-	(135.000.000)	-
Quỹ phúc lợi	59.518.080	1.409.672.860	970.000	(1.268.259.818)	201.901.122
	59.518.080	1.544.672.860	970.000	(1.403.259.818)	201.901.122

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
Số dư đầu năm trước	40.490.060.000	4.067.762.000	14.152.369.189	6.004.365.645	64.714.556.834
-Tăng từ lãi năm trước	-	-	-	6.296.216.969	6.296.216.969
-Giảm do phân phối lợi nhuận	-	-	-	(6.119.978.559)	(6.119.978.559)
Số dư cuối năm trước	40.490.060.000	4.067.762.000	14.152.369.189	6.180.604.055	64.890.795.244
Số dư đầu năm nay	40.490.060.000	4.067.762.000	14.152.369.189	6.180.604.055	64.890.795.244
-Tăng từ lãi trong năm	-	-	-	5.112.019.338	5.112.019.338
-Giảm do phân phối lợi nhuận	-	-	-	(6.700.966.742)	(6.700.966.742)
Số dư cuối năm	40.490.060.000	4.067.762.000	14.152.369.189	4.591.656.651	63.301.847.840

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Cổ đông nhà nước	20.146.260.000	49,76	20.146.260.000	-
Cổ đông khác	20.343.800.000	50,24	20.343.800.000	-
Cộng	40.490.060.000	100	40.490.060.000	-

Đại diện cho phần vốn cổ đông Nhà nước là Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC).

21c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	40.490.060.000	40.490.060.000
+ Vốn góp đầu năm	-	-
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	40.490.060.000	40.490.060.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	(5.061.257.500)	(4.858.807.200)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

21d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.049.006	4.049.006
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.049.006	4.049.006
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>4.049.006</i>	<i>4.049.006</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	4.049.006	4.049.006

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP.

21e. Mục đích trích lập các quỹ của doanh nghiệp

- *Quỹ đầu tư phát triển được dùng:*
- + Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ khó đòi được xảy ra trong qua trình kinh doanh;
- + Bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc đại diện chủ sở hữu;
- + Bổ sung vốn điều lệ cho Công ty;
- + Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị điều kiện làm việc của Công ty.
- *Quỹ khen thưởng được dùng để*
- + Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty;
- + Thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể trong Công ty;
- + Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Công ty.
- *Quỹ phúc lợi được dùng để:*
- + Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty;
- + Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội;
- + Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;
- + Ngoài ra có thể sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

21f. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2017 như sau:

Số dư đầu năm (1)	6.180.604.055
Tăng từ lợi nhuận sau thuế 2017 (2)	5.112.019.338
Phân phối trong năm (3)	(6.700.966.742)
<i>Chia cổ tức cho các cổ đông</i>	(5.061.257.500)
<i>Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	(1.544.672.860)
<i>Trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát</i>	(95.036.382)
Số dư cuối năm (4)=(1)+(2)-(3)	4.591.656.651

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán.

Nợ khó đòi đã xử lý

	Năm nay	Năm trước
Chi tiết gồm:		
Số đầu năm	115.373.600	115.373.600
Nợ khó đòi đã xử lý trong năm	-	-
Nợ khó đòi đã được thu hồi được	-	-
Số cuối năm	115.373.600	115.373.600
Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Y&D	45.400.000	45.400.000
Công ty TNHH Xây dựng Thành Thịnh	33.945.000	33.945.000
Trần Kiêm Khánh	14.220.300	14.220.300
Các khách hàng khác	21.808.300	21.808.300
Cộng	115.373.600	115.373.600

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT:VNĐ)

I. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hàng hóa	67.006.048.735	79.631.070.514
Doanh thu thành phẩm	20.115.918.369	11.416.632.278
Doanh thu san lấp	2.285.063.636	4.519.430.909
Doanh thu vận tải	1.998.813.160	1.784.650.414
Doanh thu xây dựng các công trình	114.962.946.834	115.118.810.910
Doanh thu kinh doanh bất động sản	1.805.479.400	1.099.582.581
Doanh thu gạch bê tông tự chèn TP	62.607.723	15.272.182
Doanh thu khác	190.654.998	2.545.455
Cộng	208.427.532.855	213.587.995.243

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	64.044.670.979	70.147.924.189
Giá vốn của thành phẩm đã bán	11.434.262.830	11.440.263.918
Giá vốn san lấp	2.307.183.882	3.989.117.361
Giá vốn vận tải	3.053.268.312	1.920.620.921
Giá vốn xây dựng các công trình	103.917.720.980	103.911.164.457
Giá vốn kinh doanh bất động sản	1.211.840.930	1.033.208.717
Giá vốn gạch bê tông tự chèn TP	58.027.614	13.696.112
Giá vốn khác	150.906.228	2.007.470
Cộng	<u>186.177.881.755</u>	<u>192.458.003.145</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	16.963.878	10.877.866
Khác	-	32.190.115
Cộng	<u>16.963.878</u>	<u>43.067.981</u>

4. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên bán hàng	1.936.176.287	2.121.681.410
Chi phí vật liệu, bao bì	19.103.350	377.101.854
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	611.038	43.109.900
Chi phí khấu hao tài sản cố định	45.227.700	23.381.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.670.376.407	1.091.992.643
Chi phí bằng tiền khác	239.356.828	900.476.678
Cộng	<u>3.910.851.610</u>	<u>4.557.743.985</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	4.057.116.494	3.259.846.290
Chi nguyên vật liệu	117.217.766	590.280.464
Khấu hao tài sản cố định	517.317.110	465.582.319
Thuế, phí và lệ phí	119.803.859	112.150.000
Chi phí dự phòng	137.031.070	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(100.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.069.434.461	1.226.325.692
Chi phí bằng tiền khác	2.031.288.486	1.691.688.728
Cộng	<u>9.049.209.246</u>	<u>7.245.873.493</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thanh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ thương doanh số	2.427.723.352	2.043.756.430
Thu từ thanh lý TSCĐ	206.629.761	914.058.065
Chiết khấu mua hàng	323.754.000	187.925.216
Thuê kho	118.020.000	72.000.000
Khác	1.074.241.461	1.416.192.083
Cộng	4.150.368.574	4.633.931.794

7. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.391.349.418	7.880.704.891
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	5.300.980	41.734.721
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Thu nhập chịu thuế	6.396.650.398	7.922.439.612
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	6.396.650.398	7.922.439.612
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.279.330.080	1.584.487.922

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.112.019.338	6.296.216.969
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)</i>	(1.544.672.860)	(1.259.243.399)
<i>Thù lao HĐQT, BKS</i>	(95.036.382)	(115.055.700)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.472.310.096	4.921.917.875
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	4.049.006	4.049.006
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	858	1.216

(*) Công ty căn cứ vào Nghị quyết số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2017 để thực hiện tạm tính số Quỹ khen thưởng phúc lợi cần trích từ lợi nhuận sau thuế của năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

8b. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.472.310.096	4.921.917.875
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:	-	-
<i>Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi</i>	-	-
<i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi</i>	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.472.310.096	4.921.917.875
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.049.006	4.049.006
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	858	1.216

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	107.484.666.314	95.661.494.546
Chi phí nhân công	36.182.219.663	34.781.729.181
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.591.951.629	2.557.816.002
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.101.933.253	18.397.196.004
Chi phí khác	3.163.159.472	2.969.690.356
Cộng	168.523.930.331	154.367.926.089

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VNĐ)

1. Các giao dịch không bằng tiền

Không phát sinh

2. Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Không phát sinh

3. Tiền thu từ đi vay

	Năm nay	Năm trước
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	127.559.544.746	122.733.209.320
Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	-	-
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-	-
Cộng	127.559.544.746	122.733.209.320

4. Tiền trả nợ gốc vay

	Năm nay	Năm trước
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	113.360.721.925	121.824.615.250
Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	-	-
Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-	-
Cộng	113.360.721.925	121.824.615.250

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (ĐVT: VND)

1. Tài sản tiềm tàng

Công ty không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

2. Nợ tiềm tàng

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.001.700.000	761.329.800
Tiền thù lao	95.036.382	159.799.560
Cổ tức	432.967.686	407.017.620
Cộng	1.529.704.068	1.328.146.980

4. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Năm nay				
Chỉ tiêu	Hoạt động kinh doanh hàng hóa và thành phẩm	Hoạt động xây dựng và kinh doanh Bất động sản	Hoạt động khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	87.121.967.104	116.768.426.234	4.537.139.517	208.427.532.855
Giá vốn hàng bán	75.478.933.809	105.129.561.910	5.569.386.036	186.177.881.755
Lãi gộp	11.643.033.295	11.638.864.324	(1.032.246.519)	22.249.651.100
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	91.047.702.792	116.218.393.491	6.321.898.960	213.587.995.243
Giá vốn hàng bán	81.588.188.107	104.944.373.174	5.925.441.864	192.458.003.145
Lãi gộp	9.459.514.685	11.274.020.317	396.457.096	21.129.992.098
Năm trước				

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE
Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp các tài sản để đảm bảo cho các khoản vay gồm : Giá trị tài sản cố định, vật tư tồn kho bình quân và giá trị Quyền sử dụng đất tại Phú Nhuận để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre và thế chấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BH943108 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 16/04/2013 để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đông Á – Chi nhánh Bến Tre. (xem thuyết minh số V.19).

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Điều hành, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

7. Khả năng hoạt động liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty.

Bến Tre, ngày 26 tháng 3 năm 2018.

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ KIM THI

Kế toán trưởng

PHAN TẤN MỸ

Giám đốc



PHAN QUỐC THÔNG

Bến Tre, ngày 17 tháng 04 năm 2018

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC



PHAN QUỐC THÔNG